Software Requirements Specification

Project: Xây dựng website bán quần áo cho doanh nghiệp Yody

Document: SRS

Author: Nhóm 6 – DHHTTT17CTT

1. Nguyễn Tiến Mạnh – 21123851

2. Trần Lê Phương Trân – 21118861

3. Huỳnh Hồ Hoài Nam - 21125431

4. Lê Đức Nguyên - 21116261

5. Lê Hoàng Gia Hi – 21116481

Published on: 2023-03-04

MỤC LỤC (Table of Contents)

[1. Giới thiệu (Introduction) 5](#_Toc133168601)

[1.1 Mục đích (Purpose) 5](#_Toc133168602)

[1.2 Các quy ước của tài liệu (Document Conventions) 5](#_Toc133168603)

[1.3 Hướng dẫn đọc tài liệu (Intended Audience and Reading Suggestions) 5](#_Toc133168604)

[1.4 Tầm nhìn (Product Vision) 6](#_Toc133168605)

[1.5 Phạm vi (Project Scope) 6](#_Toc133168606)

[2. Mô tả tổng quát (Overall Description) 7](#_Toc133168607)

[2.1 Bối cảnh sản phẩm phần mềm (Project perspective) 7](#_Toc133168608)

[2.2 Chức năng sản phẩm (Project Feature) 7](#_Toc133168609)

[2.3 Các lớp người dùng và đặc tính của mỗi lớp người dùng (User Classes and characteristics) 7](#_Toc133168610)

[2.4 Môi trường vận hành (Operating Environment) 7](#_Toc133168611)

[2.5 Các ràng buộc thiết kế và thi công (Design and Implementation Constraints) 8](#_Toc133168612)

[2.6 Tài liệu người dùng (User Documentation) 9](#_Toc133168613)

[2.7 Các giả định và phụ thuộc (Assumptiom and Dependencies) 9](#_Toc133168614)

[3. Các yêu cầu giao diện ngoài (External Interface Requirements) 11](#_Toc133168615)

[3.1 Giao diện người dùng (User Interfaces) 11](#_Toc133168616)

[3.2 Giao diện phần cứng (Hardware Interfaces) 11](#_Toc133168617)

[3.3 Giao diện phần mềm (Software Interfaces) 11](#_Toc133168618)

[3.4 Giao diện truyền thông (Communications Interfaces) 13](#_Toc133168619)

[4. Yêu cầu (Requirements) 15](#_Toc133168620)

[4.1 Yêu cầu kinh doanh (Business requirements) 15](#_Toc133168621)

[4.1.1 Background: Tổng kết lí do và ngữ cảnh dẫn đến quyết định cần xây dựng sản phẩm 15](#_Toc133168622)

[4.1.2 Business Opportunity: Cơ hội kinh doanh 15](#_Toc133168623)

[4.1.3 Business Objective and Success Criteria: Mục tiêu kinh doanh và tiêu chí thành công 15](#_Toc133168624)

[4.2 Yêu cầu người dùng (User requirements) 16](#_Toc133168625)

[4.3 Yêu cầu chức năng (Functions Requirements) 16](#_Toc133168626)

[4.3.1 Sơ đồ use case 18](#_Toc133168627)

[4.3.2 Đặc tả sơ đồ use case 20](#_Toc133168628)

[4.3.2.1 Đăng kí 20](#_Toc133168629)

[4.3.2.2 Đăng nhập 21](#_Toc133168630)

[4.3.2.3 Tìm kiếm 22](#_Toc133168631)

[4.3.2.4 Lọc sản phẩm 23](#_Toc133168632)

[4.3.2.5 Xem thông tin sản phẩm 24](#_Toc133168633)

[4.3.2.6 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng 25](#_Toc133168634)

[4.3.2.7 Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng 26](#_Toc133168635)

[4.3.2.8 Đặt hàng 27](#_Toc133168636)

[4.3.2.9 Thanh toán 27](#_Toc133168637)

[4.3.2.10 Tích điểm khi mua hàng 29](#_Toc133168638)

[4.3.2.11 Huỷ đơn hàng 30](#_Toc133168639)

[4.3.2.12 Đổi trả hàng hoá 31](#_Toc133168640)

[4.3.2.13 Hỗ trợ khách hàng 33](#_Toc133168641)

[4.3.2.14 Quản lý sản phẩm 34](#_Toc133168642)

[4.3.2.15 Quản lý danh mục sản phẩm 37](#_Toc133168643)

[4.3.2.16 Quản lý khách hàng 40](#_Toc133168644)

[4.3.2.17 Thống kê, báo cáo 40](#_Toc133168645)

[4.3.2.18 Quản lý đơn hàng 41](#_Toc133168646)

[4.3.2.19 Quản lý giảm giá, khuyến mãi 43](#_Toc133168647)

[4.3.2.20 Quản lý tin tức, bài viết 45](#_Toc133168648)

[4.4 Yêu cầu phi chức năng (Non-functional requirements) 47](#_Toc133168649)

[4.5 Yêu cầu dữ liệu (Data requirements) 48](#_Toc133168650)

[5. Xác minh (Verification) 50](#_Toc133168651)

[5.1 Đăng kí 50](#_Toc133168652)

[5.1.1 Đăng kí thành công 50](#_Toc133168653)

[5.1.2 Đăng kí thất bại (tài khoản đã tồn tại) 53](#_Toc133168654)

[5.1.3 Đăng kí thất bại (nhập thiếu thông tin) 55](#_Toc133168655)

[5.1.4 Nhập sai mã xác thực 57](#_Toc133168656)

[5.2 Đăng nhập 62](#_Toc133168657)

[5.2.1 Đăng nhập thành công 62](#_Toc133168658)

[5.2.2 Đăng nhập thất bại 64](#_Toc133168659)

[5.3 Tìm kiếm 66](#_Toc133168660)

[5.3.1 Tìm kiếm thành công (nhập nội dung tìm kiếm) 66](#_Toc133168661)

[5.3.2 Tìm kiếm thành công (bằng lịch sử tìm kiếm) 68](#_Toc133168662)

[5.3.3 Tìm kiếm thất bại (không có kết quả khớp) 70](#_Toc133168663)

[5.4 Lọc sản phẩm 74](#_Toc133168664)

[5.4.1 Lọc sản phẩm (có sản phẩm khớp với tiêu chí lọc) 74](#_Toc133168665)

[5.4.2 Lọc sản phẩm (không có sản phẩm khớp với tiêu chí lọc) 76](#_Toc133168666)

[5.4.3 Lọc sản phẩm thất bại do người dùng chọn huỷ 79](#_Toc133168667)

[5.5 Xem thông tin sản phẩm 81](#_Toc133168668)

[5.6 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng 83](#_Toc133168669)

[5.7 Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng 84](#_Toc133168670)

[5.8 Khôi phục sản phẩm sau khi xoá 86](#_Toc133168671)

[5.9 Đặt hàng 87](#_Toc133168672)

[5.9.1 Đặt hàng thành công 87](#_Toc133168673)

[5.9.2 Đặt hàng thất bại (huỷ xác nhận đặt hàng) 89](#_Toc133168674)

[5.10 Thanh toán 90](#_Toc133168675)

[5.10.1 Thanh toán thành công 90](#_Toc133168676)

[5.10.2 Thanh toán thất bại 94](#_Toc133168677)

[5.10.3 Hoàn tiền (liên kết với chức năng huỷ mua hàng và trả hàng hoá) 98](#_Toc133168678)

[5.11 Điểm tích luỹ của khách hàng 102](#_Toc133168679)

[5.11.1 Tích điểm khi mua hàng 102](#_Toc133168680)

[5.11.2 Sử dụng điểm tích lũy khi mua hàng 103](#_Toc133168681)

[5.12 Huỷ đơn hàng 105](#_Toc133168682)

[5.12.1 Hủy đơn hàng (chưa giao cho đơn vị vận chuyển) 105](#_Toc133168683)

[5.12.2 Hủy đơn hàng (đã giao cho đơn vị vận chuyển) 107](#_Toc133168684)

[5.12.3 Hủy xác nhận yêu cầu hủy đơn hàng 108](#_Toc133168685)

[5.12.4 Quản trị viên từ chối yêu cầu hủy đơn 109](#_Toc133168686)

[5.13 Đổi trả hàng hoá 111](#_Toc133168687)

[5.13.1 Đổi trả thành công 111](#_Toc133168688)

[5.13.2 Hủy xác nhận yêu cầu đổi trả hàng hóa 114](#_Toc133168689)

[5.13.3 Quản trị viên từ chối yêu cầu đổi trả hàng hóa 116](#_Toc133168690)

[5.14 Hỗ trợ khách hàng 119](#_Toc133168691)

[5.14.1 Chat trực tiếp với nhân viên 119](#_Toc133168692)

[5.14.2 Gọi trực tiếp với nhân viên 120](#_Toc133168693)

[5.14.3 Hỗ trợ khách hàng ngoài giờ hành chính 122](#_Toc133168694)

[5.15 Quản lý sản phẩm 123](#_Toc133168695)

[5.15.1 Thêm sản phẩm 123](#_Toc133168696)

[5.15.2 Sửa sản phẩm 128](#_Toc133168697)

[5.15.3 Xoá sản phẩm 134](#_Toc133168698)

[5.16 Quản lý danh mục sản phẩm 139](#_Toc133168699)

[5.16.1 Thêm danh mục sản phẩm 139](#_Toc133168700)

[5.16.2 Sửa danh mục sản phẩm 144](#_Toc133168701)

[5.16.3 Xoá danh mục sản phẩm 150](#_Toc133168702)

[5.17 Quản lý khách hàng 155](#_Toc133168703)

[5.17.1 Nhập đúng mã khách hàng 155](#_Toc133168704)

[5.18 Thống kê, báo cáo 159](#_Toc133168705)

[5.18.1 Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thành công 159](#_Toc133168706)

[5.18.2 Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thất bại do mã sản phẩm không tồn tại 161](#_Toc133168707)

[5.18.3 Thống kê, báo cáo tất cả sản phẩm theo thời gian 163](#_Toc133168708)

[5.19 Quản lý đơn hàng 164](#_Toc133168709)

[5.19.1 Xem đơn hàng 164](#_Toc133168710)

[5.19.2 Cập nhật tình trạng đơn hàng 168](#_Toc133168711)

[5.20 Quản lý giảm giá khuyến mãi 172](#_Toc133168712)

[5.20.1 Thêm mã giảm giá 172](#_Toc133168713)

[5.20.2 Sửa mã giảm giá 178](#_Toc133168714)

[5.20.3 Xoá mã giảm giá 181](#_Toc133168715)

[5.21 Quản lý tin tức, bài viết 184](#_Toc133168716)

[5.21.1 Thêm tin tức, bài viết 184](#_Toc133168717)

[5.21.2 Sửa tin tức, bài viết 187](#_Toc133168718)

[5.21.3 Xoá tin tức, bài viết 191](#_Toc133168719)

[6. Thông tin hỗ trợ (Supporting information) 196](#_Toc133168720)

[7. Tài liệu tham khảo (References) 197](#_Toc133168721)

# Giới thiệu (Introduction)

Type: Section

## Mục đích (Purpose)

[SRS-1] Giúp doanh nghiệp Yody xây dựng một trang web bán hàng trực tuyến chuyên nghiệp, thân thiện với người dùng và cung cấp trải nghiệm mua sắm trực tuyến tốt nhất cho khách hàng. Trang web còn giúp cửa hàng có các công cụ quản lý sản phẩm, đơn hàng, khách hàng và các báo cáo thống kê để giúp họ quản lý và phát triển kinh doanh trực tuyến một cách dễ dàng và hiệu quả hơn.

Type: Section

## Các quy ước của tài liệu (Document Conventions)

[SRS-2]

Quy ước tiêu chuẩn của tài liệu này bao gồm định dạng văn bản như sau:

* Font chữ: Times hoặc Times New Roman
* Cỡ chữ:

+ Đối với các mục heading 1: cỡ chữ 18 và in đậm

+ Đối với các mục heading 2: cỡ chữ 14 và in đậm

+ Đối với các mục heading 3: cỡ chữ 12 và in đậm

+ Đối với nội dung của các mục: cỡ chữ 12

* Giãn cách dòng quy ước: 1.0
* Màu chữ: sử dụng chữ màu đen cho cả tài liệu

## Hướng dẫn đọc tài liệu (Intended Audience and Reading Suggestions)

[SRS-3]

* Các độc giả trực tiếp của SRS:

+ Nhà phát triển phần mềm (Developer): đọc tài liệu để hiểu rõ các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng và xác định cách triển khai hệ thống

+ Nhân viên kiểm thử (Tester) : đọc tài liệu để hiểu các yêu cầu về trải nghiệm người dùng nhằm nghĩ ra được nhiều kịch bản để tiến hành kiểm thử sản phẩm

+ Người làm marketing: đọc tài liệu để hiểu các tính năng của website, từ đó xây dựng những chiến lược marketing phù hợp để thu hút khách hàng.

+ Trưởng phòng kinh doanh: đọc tài liệu để hiểu các yêu cầu về tính năng của hệ thống, đảm bảo rằng hệ thống có thể đáp ứng các nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Người dùng: đọc tài liệu để hiểu rõ hơn về tính năng của website, đánh giá độ tin cậy và hiểu rõ hơn về quy trình phát triển website, đảm bảo rằng website đáp ứng nhu cầu khách hàng, bảo mật thông tin khách hàng và website được phát triển đúng theo quy trình.

+ Người viết tài liệu: đọc tài liệu để đảm bảo rằng tài liệu trình bày rõ ràng, chi tiết và chính xác các yêu cầu của khách hàng đối với website,

+ Nhà quản trị dự án: đọc tài liệu để hiểu các yêu cầu và rủi ro của dự án, đảm bảo rằng tiến độ của dự án được duy trì và đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng.

+ Kỹ sư bảo trì : đọc tài liệu để hiểu cách triển khai, vận hành và bảo trì hệ thống, đảm bảo hệ thống được triển khai và vận hành một cách hiệu quả và bảo trì trong suốt thời gian sử dụng.

* Phần còn lại của SRS được tổ chức như sau:

+ Mô tả tổng quát: bao gồm bối cảnh, mục đích, phạm vi, các thành phần và tính năng, đối tượng sử dụng, các giả định và giới hạn của hệ thống.

+ Các yêu cầu giao diện ngoài: bao gồm giao diện người dùng, giao diện phần cứng, giao diện phần mềm, giao diện truyền thông,...

+ Các tính năng của sản phẩm : trình bày lần lượt các chức năng và tính năng của hệ thống.

+ Các yêu cầu phi chức năng: bao gồm yêu cầu hiệu năng, yêu cầu an toàn, yêu cầu an ninh, các thuộc tính chất lượng phần mềm, các quy tắc nghiệp vụ, tài liệu người dùng,...

## Tầm nhìn (Product Vision)

[SRS-4] Trang web bán hàng trực tuyến cho doanh nghiệp Yody sẽ là một điểm đến trực tuyến tuyệt vời cho khách hàng muốn mua quần áo chất lượng cao của Yody. Với thiết kế đẹp, trải nghiệm người dùng tốt và các tính năng bán hàng trực tuyến đầy đủ, trang web này sẽ cung cấp cho khách hàng của Yody trải nghiệm mua sắm trực tuyến tuyệt vời. Định hướng trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành bán lẻ trực tuyến, Yody đặt mục tiêu đạt top 5 doanh nghiệp bán quần áo trực tuyến được ưa chuộng nhất trong vòng 5 năm tới. Tầm nhìn của dự án là tạo ra một trang web bán hàng trực tuyến chất lượng cao và đáp ứng hoàn hảo nhu cầu của khách hàng của Yody, từ việc tìm kiếm sản phẩm, thanh toán đến giao hàng.

## Phạm vi (Project Scope)

**[SRS-5]**

* **Mô tả phạm vi sản phẩm:**

Website bán quần áo là một sản phẩm trực tuyến được phát triển để cung cấp cho khách hàng một nền tảng mua sắm trực tuyến thuận tiện và tin cậy. Website sẽ cho phép khách hàng xem các sản phẩm quần áo của doanh nghiệp, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, thanh toán và theo dõi đơn hàng của mình. Ngoài ra, website cũng cần có chức năng quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng và hỗ trợ khách hàng qua email hoặc chat trực tuyến.

* **Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm:**

- Website phải được thiết kế để có thể truy cập dễ dàng trên nhiều thiết bị, bao gồm cả máy tính và thiết bị di động.

- Website phải hiển thị đầy đủ thông tin về sản phẩm, bao gồm cả hình ảnh và mô tả chi tiết.

- Website phải có chức năng thanh toán trực tuyến an toàn và tiện lợi cho khách hàng.

- Đáp ứng đầy đủ các chức năng của yêu cầu (function & non-function)

* **Phạm vi đối tượng người dùng:**

- Trang web sẽ phục vụ cho khách hàng trên toàn cầu, không giới hạn địa lý.

- Trang web sẽ được thiết kế để phục vụ cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

* **Các đầu ra của dự án:**

- Website bán quần áo với các chức năng cơ bản đã được triển khai và kiểm tra.

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng website cho khách hàng.

- Báo cáo tiến độ dự án và các tài liệu liên quan.

* **Phần công việc không thuộc dự án:**

- Marketing và quảng cáo sản phẩm.

- Vận chuyển hàng hóa.

- Thanh toán thuế và các khoản phí liên quan đến doanh nghiệp.

Type: Section

# Mô tả tổng quát (Overall Description)

Type: Section

## Bối cảnh sản phẩm phần mềm (Project perspective)

[SRS-6]

- Trong thời đại công nghệ 4.0, mua sắm trực tuyến đang trở thành xu hướng phổ biến trên toàn cầu, và việc mua sắm quần áo trực tuyến cũng không phải ngoại lệ. Với sự phát triển của Internet và các thiết bị điện tử thông minh, việc mua sắm trực tuyến trở nên dễ dàng và tiện lợi hơn bao giờ hết.

-Trong những năm gần đây ngành bán lẻ trực tuyến đang trở thành một thị trường phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực bán quần áo. Nhiều website bán quần áo đã được thành lập và phát triển thành những thương hiệu lớn với số lượng khách đông đảo. Dựa vào đó, doanh nghiệp yody đã xây dựng và phát triển một website hoàn toàn mới để cung cấp cho khách hàng một trải nghiệm mua sắm tốt hơn và thuận tiện hơn.

## Chức năng sản phẩm (Project Feature)

[SRS-7]

Chức năng sản phẩm được đề cập rõ trong phần 4.3 – Yêu cầu chức năng

## Các lớp người dùng và đặc tính của mỗi lớp người dùng (User Classes and characteristics)

[SRS-8]

- Các lớp người dùng chính: Chủ doanh nghiệp, nhân viên kinh doanh, khách hàng.

- Đặc tính của các lớp người dùng:  
+ Khách hàng:

* Có khả năng xem các sản phẩm trên trang web
* Có khả năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Có khả năng thanh toán và đặt hàng
* Có khả năng tạo tài khoản để quản lý thông tin cá nhân và lịch sử mua hàng

+ Chủ doanh nghiệp và nhân viên kinh doanh:

* Có quyền truy cập vào danh sách sản phẩm và thông tin kinh doanh khác trên trang web
* Có khả năng quản lý tài khoản khách hàng và các hoạt động kinh doanh khác trên trang web
* Có khả năng tạo và quản lý các chương trình khuyến mãi và giảm giá
* Có khả năng quản lý đơn hàng và giao hàng
* Có khả năng kiểm tra lịch sử mua hàng của khách hàng và xử lý các yêu cầu từ khách hàng
* Có khả năng phản hồi các câu hỏi và yêu cầu từ khách hàng
* Có khả năng quản lý các đơn hàng và đảm bảo chất lượng sản phẩm
* Có khả năng cập nhật thông tin sản phẩm trên trang web

## Môi trường vận hành (Operating Environment)

[SRS-9]

- Phần cứng: Hệ thống phần cứng cần đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý và bộ nhớ để đảm bảo phần mềm hoạt động ổn định. Các yêu cầu phần cứng có thể tùy thuộc vào lượng truy cập trang web. Nếu website có lượng truy cập lớn, cần sử dụng các máy chủ mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu của người dùng.

- Hệ điều hành: Hệ điều hành Windows Server hoặc Linux có thể được sử dụng để vận hành website.

- Vị trí địa lý của người dùng: Người dùng truy cập từ nhiều địa điểm khác nhau trong nước, do đó website cần được tối ưu hóa để đảm bảo truy cập nhanh chóng và ổn định từ bất kỳ vị trí địa lý nào trong Việt Nam.

- Server: Các server cần được đặt tại các trung tâm dữ liệu có đường truyền mạng ổn định tại Việt Nam để đảm bảo tốc độ truy cập nhanh chóng và ổn định cho người dùng. Các server cần được bảo vệ bằng các giải pháp bảo mật và được duy trì bằng các giải pháp sao lưu dữ liệu định kỳ.

- Database: Sử dụng Microsoft SQL Server để lưu trữ và quản lý dữ liệu sản phẩm và tài khoản khách hàng. Cần có các giải pháp backup dữ liệu định kỳ để đảm bảo an toàn cho dữ liệu.

## Các ràng buộc thiết kế và thi công (Design and Implementation Constraints)

[SRS-10]

- Các công nghệ, công cụ, ngôn ngữ lập trình, CSDL:

* Sử dụng các ngôn ngữ lập trình như HTML, CSS, JavaScript, PHP và các hệ quản trị CSDL như MySQL hoặc PostgreSQL.
* Tránh sử dụng các công nghệ hoặc công cụ đã lỗi thời hoặc không được hỗ trợ đầy đủ. Ngoài ra, cần đảm bảo tính bảo mật và bảo mật thông tin cho khách hàng thông qua các công nghệ mã hóa dữ liệu.

- Các quy ước và tiêu chuẩn:

* Tiêu chuẩn mã hóa: Các tiêu chuẩn như AES, RSA, SHA được sử dụng để bảo vệ dữ liệu và thông tin nhạy cảm được truyền qua mạng.
* Tiêu chuẩn phát triển phần mềm: Các tiêu chuẩn như ISO 12207, ISO 9001 được sử dụng để đảm bảo chất lượng phần mềm và quản lý dự án.
* Tiêu chuẩn trao đổi dữ liệu: Các tiêu chuẩn như XML, JSON được sử dụng để truyền dữ liệu giữa các ứng dụng và hệ thống khác nhau.
* Tiêu chuẩn giao diện người dùng: Các tiêu chuẩn như ISO 9241, UI/UX design guidelines được sử dụng để đảm bảo giao diện người dùng thân thiện và dễ sử dụng.
* Tiêu chuẩn bảo mật: Các tiêu chuẩn như ISO 27001, PCI DSS được sử dụng để đảm bảo an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu

- Các chính sách, quy định của Chính phủ, các chuẩn công nghiệp:

* Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân: Theo quy định của Chính phủ Việt Nam, các tổ chức và doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng.
* Chuẩn PCI DSS: Chuẩn này được áp dụng cho các doanh nghiệp thực hiện các giao dịch thẻ tín dụng và yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật thông tin nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ tín dụng của khách hàng.
* Quy định về bảo vệ mạng và an ninh thông tin: Các doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về bảo vệ mạng và an ninh thông tin của Chính phủ để đảm bảo an toàn cho dữ liệu và thông tin của khách hàng.
* Chuẩn ISO 9001: Chuẩn này được áp dụng để đảm bảo chất lượng quản lý và quy trình sản xuất của các doanh nghiệp.
* Chuẩn ISO 27001: Chuẩn này được áp dụng để đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.
* Quy định về bản quyền phần mềm: Các tổ chức và doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về bản quyền phần mềm của Chính phủ và không được sử dụng các phần mềm vi phạm bản quyền.

- Các giới hạn của phần cứng:

* Bộ vi xử lý: Cần có bộ vi xử lý mạnh để xử lý các yêu cầu của người dùng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Một bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc cao hơn là lựa chọn tốt cho website bán quần áo lớn.
* Bộ nhớ RAM: Cần có đủ bộ nhớ RAM để xử lý các yêu cầu của người dùng. Nếu số lượng người truy cập lớn, cần ít nhất 16GB hoặc cao hơn.
* Ổ cứng: Cần có ổ cứng lưu trữ đủ lớn để chứa các dữ liệu của website, bao gồm cả ảnh, video và các file khác. Một ổ cứng SSD có dung lượng từ 512GB đến 1TB là lựa chọn tốt.
* Kết nối Internet: Cần có kết nối Internet nhanh và ổn định để đảm bảo website hoạt động mượt mà. Tốc độ tối thiểu được đề xuất là 50Mbps.
* Firewall và bảo mật: Cần có tường lửa và các phần mềm bảo mật để bảo vệ website khỏi các cuộc tấn công mạng và đảm bảo an toàn thông tin của người dùng

- Các khuôn dạng trao đổi dữ liệu chuẩn: sử dụng 1 trong 2 khuôn dạng JSON hoặc XML. Vì cả hai định dạng này đều hỗ trợ truyền tải dữ liệu cấu trúc, cho phép các hệ thống khác nhau trao đổi thông tin một cách dễ dàng.

## Tài liệu người dùng (User Documentation)

[SRS-11]

Tài liệu sẽ được chuyển giao cùng với sản phẩm: sổ tay người dùng (user manuals), tài liệu hỗ trợ trực tuyến, và hướng dẫn tức thì (tutorials).

## Các giả định và phụ thuộc (Assumptiom and Dependencies)

[SRS-12]

- Giả định:

+ Đối tượng khách hàng: Dự án giả định rằng mục tiêu của website là những người trẻ tuổi, có thu nhập trung bình và quan tâm đến thời trang.

+ Nhu cầu sản phẩm: Dự án giả định rằng khách hàng mong muốn tìm kiếm và mua các sản phẩm quần áo phù hợp với phong cách, sở thích và kích thước của họ

+ Cạnh tranh: Dự án giả định rằng có nhiều đối thủ cạnh tranh trong thị trường bán quần áo trực tuyến, và do đó, website cần phải cung cấp các dịch vụ tốt hơn để thu hút và giữ chân khách hàng

+ Hệ thống thanh toán: Dự án giả định rằng website cần có hệ thống thanh toán trực tuyến an toàn và tiện lợi để có thể thanh toán dễ dàng

+ Hệ thống đơn hàng và giao hàng: Dự án giả định rằng website cần có hệ thống đơn hàng và giao hàng hiệu quả để đảm bảo sản phẩm được giao đúng thời gian và địa điểm

+ Hệ thống chăm sóc khách hàng: Dự án giả định rằng website cần có bộ phận chăm sóc khách hàng hiệu quả, chuyên nghiệp đảm bảo dịch vụ chăm sóc khách hàng hoàn hảo

- Phụ thuộc:

+ Nhà cung cấp sản phẩm: cần phải có mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp quần áo để đảm bảo cung cấp các sản phẩm chất lượng và đủ số lượng

+ Công nghệ: cần phải sử dụng các công nghệ phần mềm và phần cứng hiện đại để đảm bảo tính ổn định và bảo mật của website

+ Đối tác vận chuyển: cần phải có các đối tác vận chuyển đáng tin cậy để đảm bảo sản phẩm được giao đúng thời gian và địa điểm cho khách hàng

+ Các quy định pháp lý: cần phải tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến bán hàng trực tuyến và bảo vệ thông tin khách hàng

# Các yêu cầu giao diện ngoài (External Interface Requirements)

## Giao diện người dùng (User Interfaces)

[SRS-13]

- Tuân thủ các tiêu chuẩn GUI và các hướng dẫn phong cách dòng sản phẩm: Thiết kế giao diện cần phải tuân thủ các tiêu chuẩn GUI thông dụng và các hướng dẫn phong cách dòng sản phẩm để đảm bảo tính nhất quán và dễ sử dụng cho người dùng.

- Sắp xếp màn hình và ràng buộc độ phân giải: Thiết kế giao diện cần phải đảm bảo rằng các màn hình và điều khiển có thể sắp xếp đúng cách trên các thiết bị khác nhau và độ phân giải khác nhau.

- Sử dụng các button và phím tắt chuẩn: Thiết kế giao diện nên sử dụng các button và phím tắt chuẩn để dễ sử dụng cho người dùng và giúp tăng tính nhất quán của giao diện.

- Sử dụng các chuẩn hiển thị lỗi: Thiết kế giao diện cần có các chuẩn hiển thị lỗi để giúp người dùng hiểu được lỗi xảy ra và cách khắc phục.

- Sự tương tác dễ dàng: Giao diện cần được thiết kế để cho phép người dùng tương tác dễ dàng với trang web. Điều này có thể đạt được thông qua việc sử dụng các nút và liên kết rõ ràng, bố cục rõ ràng và tiện ích tìm kiếm.

- Tính thẩm mỹ: Thiết kế giao diện cần phải có tính thẩm mỹ để thu hút người dùng và giữ chân họ. Các yếu tố quan trọng bao gồm việc sử dụng màu sắc hài hòa, hình ảnh chất lượng cao và phông chữ dễ đọc.

- Khả năng tùy chỉnh sản phẩm: Giao diện cần được thiết kế để cho phép người dùng tùy chỉnh sản phẩm và lựa chọn theo sở thích của họ. Ví dụ, họ có thể chọn kích thước, màu sắc, kiểu dáng, chất liệu và nhiều yếu tố khác để tạo ra sản phẩm mà họ thực sự mong muốn.

- Chức năng tìm kiếm tiện lợi: Giao diện cần có chức năng tìm kiếm mạnh mẽ và tiện lợi để giúp người dùng tìm kiếm sản phẩm nhanh chóng và dễ dàng. Ngoài ra, cần cung cấp các tiện ích lọc và sắp xếp để giúp người dùng chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu của họ.

## Giao diện phần cứng (Hardware Interfaces)

[SRS-14]

- Thiết bị đầu vào: làm nhiệm vụ ghi nhận dữ liệu từ người dùng. Trong dự án này, các thiết bị đầu vào phổ biến bao gồm: bàn phím, chuột, màn hình cảm ứng và thiết bị di động.

- Thiết bị đầu ra: giúp hiển thị dữ liệu cho người dùng, các thiết bị đầu ra phổ biến bao gồm: màn hình hiển thị, loa và máy in.

- Giao thức liên lạc: đảm bảo rằng các thiết bị phần cứng có thể trao đổi thông tin với nhau và với phần mềm của hệ thống. Các giao thức liên lạc bao gồm USB, Bluetooth, Wi-Fi và Ethernet.

- Tương tác dữ liệu: giúp dữ liệu được chuyển đổi giữa các thiết bị phần cứng và phần mềm. Các tương tác dữ liệu bao gồm giao thức truyền tải dữ liệu, cách thức mã hóa và giải mã dữ liệu và định dạng dữ liệu.

- Tương tác kiểm soát: cho phép phần mềm điều khiển và quản lý các thiết bị phần cứng. Các tương tác kiểm soát phổ biến bao gồm các tín hiệu điều khiển, các lệnh điều khiển và các tín hiệu đồng bộ hóa.

## Giao diện phần mềm (Software Interfaces)

[SRS-15]

- Cơ sở dữ liệu ( Database Management System – DBMS) : sử dụng DBMS để lưu trữ thông tin sản phẩm, đơn hàng, khách hàng và các thông tin quản lý khác.

- Hệ điều hành ( Operating System – OS) : Website được triển khai trên nền tảng hệ điều hành Linux

- Trình duyệt web ( Web Browsers) : website được truy cập và hiển thị trên các trình duyệt web như Google Chrome, Firefox, Safari, Edge,...

- Framework: hệ thống sử dụng framework để xây dựng các tính năng, chức năng và giao diện cho sản phẩm, cụ thể là Laravel Framework

- Thư viện : để tối ưu hóa hiệu suất và giảm thời gian phát triển, doanh nghiệp dùng các thư viện như jQuery, BootsStrap, Reactstrap, Material UI,...

- Tools: Để quản lý và phát triển website, doanh nghiệp sử dụng các công cụ như Visual Studio Code, Sublime Text, Git,..

- Payment Gateway API : tích hợp nhiều cổng thanh toán như PayPal, Stripe và các cổng thanh toán địa phương

- Logistics : liên kết với các dịch vụ vận chuyển hàng hóa như VietnamPost, Grab Express, GHN,...

*Mục đích:*

- Sản phẩm và Hệ điều hành: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và hệ điều hành nhằm đảm bảo việc kết nối và truyền thông giữa sản phẩm và các thành phần phần mềm khác trên hệ thống.

- Sản phẩm và Cơ sở dữ liệu: Các data items trao đổi giữa sản phẩm và CSDL giúp sản phẩm lấy và ghi thông tin về sản phẩm, khách hàng, đơn hàng, vận chuyển, thanh toán,..

- Sản phẩm và Trình duyệt web: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và trình duyệt web nhằm đảm bảo sản phẩm được hiển thị đúng trên các trình duyệt khác nhau.

- Sản phẩm và Framework: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và framework giúp sản phẩm tích hợp các chức năng đặc biệt hoặc cải thiện hiệu suất của sản phẩm.

- Sản phẩm và Thư viện: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và thư viện giúp sản phẩm sử dụng các tính năng đặc biệt hoặc cải thiện hiệu suất của sản phẩm.

- Sản phẩm và Tools: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và công cụ giúp sản phẩm được phát triển và quản lý dễ dàng hơn.

- Sản phẩm và Payment gateway: Các messages trao đổi giữa sản phẩm và cổng thanh toán trực tuyến giúp sản phẩm xử lý thanh toán cho đơn hàng.

- Sản phẩm và Logistics : Các messages trao đổi giữa sản phẩm và đơn vị vận chuyển giúp sản phẩm xử lý thông tin vận chuyển và truy vấn trạng thái đơn hàng.

*Các dịch vụ cần thiết và bản chất của sự liên lạc giữa các components trong website bán quần áo của doanh nghiệp Yody có thể bao gồm:*

- Dịch vụ quản lý sản phẩm: Đây là dịch vụ cung cấp quản lý và hiển thị thông tin về sản phẩm như ảnh, giá cả, mô tả, số lượng còn lại và các chi tiết khác liên quan đến sản phẩm. Các components có thể liên lạc với dịch vụ này để lấy thông tin sản phẩm cần thiết.

- Dịch vụ quản lý khách hàng: Đây là dịch vụ quản lý thông tin về khách hàng như đăng ký, đăng nhập, lịch sử mua hàng, giỏ hàng và đơn hàng. Các components có thể liên lạc với dịch vụ này để lưu trữ và truy cập thông tin khách hàng.

- Dịch vụ quản lý đơn hàng: Đây là dịch vụ cung cấp các chức năng liên quan đến đặt hàng và vận chuyển, bao gồm tạo đơn hàng, xác nhận đơn hàng, gửi thông tin đến đối tác vận chuyển, cập nhật trạng thái đơn hàng và thông báo cho khách hàng. Các components có thể liên lạc với dịch vụ này để thực hiện các chức năng liên quan đến đơn hàng.

- Dịch vụ thanh toán và tài chính: Đây là dịch vụ xử lý các chức năng liên quan đến thanh toán, bao gồm cung cấp các phương thức thanh toán, xác nhận thanh toán, quản lý thông tin tài khoản, cập nhật lịch sử thanh toán và báo cáo tài chính. Các components có thể liên lạc với dịch vụ này để thực hiện các giao dịch thanh toán.

- Dịch vụ quản lý tìm kiếm: Đây là dịch vụ cung cấp các chức năng liên quan đến tìm kiếm sản phẩm, bao gồm các tính năng như tìm kiếm theo tên, thương hiệu, giá cả, màu sắc và kích cỡ. Các components có thể liên lạc với dịch vụ này để tìm kiếm các sản phẩm cần thiết.

- Dịch vụ quản lý trang web: Đây là dịch vụ quản lý và hiển thị nội dung trang web, bao gồm các chức năng như thiết kế giao diện, hiển thị sản phẩm, quản lý

*Các dữ liệu được dùng chung giữa các software components trong website bán quần áo của doanh nghiệp Yody có thể bao gồm:*

- Thông tin sản phẩm: Đây là các thông tin về sản phẩm bao gồm tên, mô tả, giá cả, ảnh, kích cỡ, màu sắc và số lượng còn lại. Thông tin này được sử dụng chung bởi các components liên quan đến quản lý sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm và hiển thị thông tin sản phẩm.

- Thông tin khách hàng: Đây là các thông tin về khách hàng bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, email và thông tin thanh toán. Thông tin này được sử dụng chung bởi các components liên quan đến quản lý khách hàng, đặt hàng và thanh toán.

- Thông tin đơn hàng: Đây là các thông tin về đơn hàng bao gồm sản phẩm, khách hàng, địa chỉ vận chuyển, phương thức thanh toán và trạng thái đơn hàng. Thông tin này được sử dụng chung bởi các components liên quan đến quản lý đơn hàng, vận chuyển và thanh toán.

- Thông tin tài khoản: Đây là các thông tin về tài khoản của khách hàng bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu và lịch sử mua hàng. Thông tin này được sử dụng chung bởi các components liên quan đến đăng nhập, quản lý tài khoản và lịch sử mua hàng.

- Thông tin vận chuyển: Đây là các thông tin về vận chuyển bao gồm địa chỉ nhận hàng và thông tin liên lạc của khách hàng. Thông tin này được sử dụng chung bởi các components liên quan đến quản lý đơn hàng và vận chuyển.

## Giao diện truyền thông (Communications Interfaces)

[SRS-16]

- Đáp ứng thiết bị: Website cần phải được thiết kế để đáp ứng cho các thiết bị người dùng sử dụng, bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính để bàn.

- Tốc độ tải trang: Yêu cầu về tốc độ tải trang của website đó là rất quan trọng. Trang web nên được tối ưu hóa để tải nhanh chóng, giảm thời gian đợi cho từng trang.

- Truyền thông xã hội: Theo yêu cầu của một cửa hàng trực tuyến, website cần cung cấp link để khách hàng có thể truy cập các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram... để tăng cường sự tương tác giữa khách hàng và sản phẩm

*Yêu cầu giao diện:*

1. Trang chủ

- Menu thanh điều hướng

- Banner hiển thị những sản phẩm mới, khuyến mãi

- Form đăng ký nhận thông tin mới nhất từ Yody qua email

2. Trang sản phẩm

- Hình ảnh sản phẩm

- Mô tả sản phẩm

- Nút thêm vào giỏ hàng

- Các lựa chọn để tùy chỉnh sản phẩm (size, màu, chất liệu...)

3. Trang giỏ hàng

- Hiển thị danh sách các sản phẩm đã chọn

- Tính tổng số tiền cần thanh toán

- Các phương thức thanh toán

4. Trang thanh toán

- Thông tin về hình thức thanh toán

- Form điền thông tin khách hàng

- Kiểm tra lại các sản phẩm đã chọn và tổng số tiền cần thanh toán

5. Trang đăng nhập

- Form đăng nhập cho khách hàng cũ

- Form đăng ký tài khoản

6. Trang liên hệ

- Form để khách hàng gửi câu hỏi, ý kiến phản hồi

- Thông tin liên hệ của Yody (địa chỉ, email, số điện thoại)

7. Trang tin tức

- Các bài viết tin tức, cập nhật mới nhất về Yody

- Thông tin về sự kiện, chương trình khuyến mãi

**=> Tất cả các trang trên đều được thiết kế để dễ dàng cho khách hàng tiếp cận, tìm kiếm và đặt hàng sản phẩm của Yody. Các nội dung đã được phân chia rõ ràng, giúp khách hàng có thể dễ dàng tìm thấy thông tin mình cần**

# Yêu cầu (Requirements)

Type: Section

## Yêu cầu kinh doanh (Business requirements)

[SRS-17] Website giúp khách hàng có thể lựa chọn mua sắm trực tuyến các sản phẩm của cửa hàng, giúp khách hàng có thể nắm bắt được các chính sách giảm giá, đổi trả,...hiện có của cửa hàng. Website giúp hỗ trợ tư vấn, giải đáp các thắc mắc của khách hàng, giúp cửa hàng có thể tiếp cận với khách hàng nhanh chóng, tiện lợi hơn, mọi lúc - mọi nơi. Khách hàng có thể góp ý về sản phẩm, những thiếu sót của cửa hàng một cách khách quan.

### Background: Tổng kết lí do và ngữ cảnh dẫn đến quyết định cần xây dựng sản phẩm

[SRS-18]

- Tại Việt Nam hiện nay, có 72.1 triệu người Việt sử dụng internet, tức là 73.2% dân số trên tổng số (theo thống kê vào tháng 9 năm 2022), với sự phát triển của công nghệ và Internet, thương mại điện tử đã trở thành một phần không thể thiếu của cuộc sống hiện đại. Việc mua sắm trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến hơn, nhu cầu tìm kiếm các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến ngày càng cao, điều này càng đặt ra nhu cầu xây dựng các website bán hàng chuyên nghiệp và thân thiện với người dùng. Đây chính là một thị trường béo bở có thể khai thác và đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp.

- Sự thuận tiện khi mua sắm trực tuyến: Một trang web bán quần áo sẽ giúp khách hàng mua sắm dễ dàng và tiết kiệm thời gian, đặc biệt là khi họ không có nhiều thời gian để đến cửa hàng trực tiếp.

- Với mong muốn có thể tìm kiếm khoảng trống của thị trường, doanh nghiệp Yody đã chọn lấn sân vào thị trường này, quyết định đầu tư một website để có thể quảng bá sản phẩm và phục vụ người tiêu dùng ở khắp mọi nơi trong nước, không có ranh giới địa lý và không có giờ giấc hoạt động cụ thể.

### Business Opportunity: Cơ hội kinh doanh

[SRS-19]

- Mở rộng thị trường tiêu thụ: Việc xây dựng một trang web bán quần áo giúp Yody mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ tuổi thường ưa thích việc mua sắm trực tuyến. Điều này tạo ra cơ hội để Yody có thể tiếp cận được khách hàng mới và mở rộng doanh số bán hàng.

- Cạnh tranh với các đối thủ: Các nhà bán hàng cần cạnh tranh với các đối thủ khác để thu hút khách hàng. Việc xây dựng một trang web bán quần áo chất lượng cao sẽ có thể giúp Yody tăng khả năng cạnh tranh và thu hút được nhiều khách hàng.

- Với khả năng vận hành 24/7 ở bất cứ đâu, kinh doanh trực tuyến có thể giúp Yody tạo ra lợi nhuận trên từng giây, ngay cả trong lúc đang ngủ.

- Tiết kiệm chi phí nhân công bởi chỉ cần đăng nhập vào trang web khách hàng đã có thể tiếp cận sản phẩm của Yody một cách dễ dàng.

- Doanh nghiệp có thể quảng bá thương hiệu rộng rãi với nhiều khách hàng, bởi đây là một thị trường tiềm năng, và là một cách marketing thuận tiện, hiệu ứng nhanh.

### Business Objective and Success Criteria: Mục tiêu kinh doanh và tiêu chí thành công

[SRS-20] Mục tiêu kinh doanh của Yody là trở thành một trong những thương hiệu thời trang hàng đầu tại Việt Nam và đưa sản phẩm của mình đến với khách hàng trên toàn cầu. Yody mong muốn tạo ra những sản phẩm chất lượng, thời trang, đa dạng và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Để đạt được mục tiêu này, Yody đặt ra những tiêu chí thành công sau:

- Tăng doanh số bán hàng: Doanh số bán hàng là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá thành công của doanh nghiệp. Yody muốn tăng doanh số bán hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ của mình.

- Tăng lợi nhuận: Lợi nhuận là một chỉ số quan trọng khác để đánh giá sự thành công của doanh nghiệp. Yody mong muốn tăng lợi nhuận và tối đa hóa giá trị cho các cổ đông của mình.

- Nâng cao uy tín và nhận diện thương hiệu: Uy tín và nhận diện thương hiệu là những yếu tố quan trọng để tạo dựng lòng tin của khách hàng và tăng trưởng doanh thu. Yody muốn nâng cao uy tín và nhận diện thương hiệu của mình thông qua việc cung cấp sản phẩm chất lượng, dịch vụ tốt và tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng.

- Tạo trải nghiệm mua sắm tuyệt vời cho khách hàng: Yody muốn mang đến cho khách hàng trải nghiệm mua sắm tuyệt vời thông qua việc cung cấp sản phẩm chất lượng, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt và website bán hàng thân thiện với người dùng.

## Yêu cầu người dùng (User requirements)

[SRS-21] Tất cả các yêu cầu cho việc xây dựng một website bán quần áo có thể được phân loại thành 3 nhóm yêu cầu: yêu cầu của khách hàng, yêu cầu của người quản lý vấn đề kinh doanh online và yêu cầu của chủ doanh nghiệp. Đối với khách hàng, các yêu cầu cần được đáp ứng bao gồm: hệ thống tìm kiếm sản phẩm dễ sử dụng, thông tin sản phẩm chi tiết và rõ ràng, các phương thức thanh toán an toàn và tiện lợi, tính năng đề xuất sản phẩm, tính năng mua hàng và hỗ trợ khách hàng 24/7,….Nhân viên kinh doanh online cần phải đáp ứng các yêu cầu bao gồm: hệ thống quản lý sản phẩm, đơn hàng, thanh toán, khách hàng và dữ liệu khách hàng, cùng với các báo cáo và thống kê hiệu quả hoạt động của website. Cuối cùng, các yêu cầu của chủ doanh nghiệp bao gồm việc thiết kế một website đẹp mắt, chuyên nghiệp và phù hợp với mục đích kinh doanh của công ty.

## Yêu cầu chức năng (Functions Requirements)

**[SRS-22]**

**Khách hàng:**

- Chức năng đăng kí:

* Hệ thống yêu cầu khách hàng điền tên tài khoản muốn đăng kí, mật khẩu, nhập lại mật khẩu, họ tên, số điện thoại
* Hệ thống hiển thị các điều khoản sử dụng và yêu cầu khách hàng chấp nhận để có thể đăng kí toàn khoản
* Hệ thống gửi mã xác thực về số điện thoại đã đăng kí để xác minh và hoàn tất việc đăng kí

- Chức năng đăng nhập:

* Hệ thống yêu cầu khách hàng điền tên tài khoản, mật khẩu
* Hệ thống có mục quên mật khẩu dành cho khách hàng, một mã xác thực sẽ gửi về email hoặc số điện thoại khách hàng đã đăng kí để khách hàng xác minh sau đó cho phép khách hàng tạo mật khẩu mới.

- Chức năng tìm kiếm sản phẩm: cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa hoặc theo tên sản phẩm.

- Chức năng lọc sản phẩm: cho phép khách hàng lọc sản phẩm theo các tiêu chí như giá cả, loại sản phẩm, màu sắc, chất liệu,…

- Chức năng xem thông tin sản phẩm: cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết về sản phẩm, bao gồm hình ảnh, mô tả, giá cả, kích cỡ và màu sắc và các đánh giá về sản phẩm

- Chức năng tích điểm khi mua hàng:

* Khách hàng sẽ được tích điểm khi mua sản phẩm trên trang web. Mỗi sản phẩm sẽ có một số điểm nhất định và khi khách hàng mua sản phẩm đó, họ sẽ được cộng điểm vào tài khoản của mình.
* Cấp độ khách hàng: Hệ thống tích điểm sẽ tính toán điểm của khách hàng và xếp hạng khách hàng theo từng cấp độ (đồng, bạc, vàng). Cấp độ sẽ thể hiện mức độ thân thiết của khách hàng với trang web của bạn và đồng thời cũng đem lại những ưu đãi, giảm giá và các quyền lợi khác cho khách hàng tương ứng với cấp độ của họ.
* Khách hàng có thể sử dụng điểm tích luỹ để đổi lấy những ưu đãi, giảm giá khuyến mãi

- Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng:

* Hệ thống cần cung cấp nút "Thêm vào giỏ hàng" cho khách hàng bên cạnh mỗi sản phẩm.
* Hệ thống cần cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng và hiển thị tổng giá trị của giỏ hàng.

- Chức năng xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng: có mục thùng rác để chứa các sản phẩm gần đây đã xóa, các sản phẩm trong mục này sẽ biến mất sau 7 ngày.

- Chức năng đặt hàng: cho phép khách hàng đặt hàng và yêu cầu khách hàng nhập các thông tin cần thiết để giao hàng như: họ tên người nhận, số điện thoại người nhận, địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán.

- Chức năng thanh toán:

* Hệ thống cần cung cấp nút "Thanh toán" cho khách hàng để đặt hàng và điền thông tin.
* Hệ thống cần cung cấp các phương thức thanh toán an toàn và đáng tin cậy như thanh toán bằng thẻ tín dụng, chuyển khoản ngân hàng, ví điện tử,…
* Hệ thống sẽ hiển thị điểm có thể tích luỹ khi mua sản phẩm.
* Hệ thống cần gửi thông tin xác nhận đơn hàng cho khách hàng qua tin nhắn.

- Chức năng huỷ đơn hàng: cho phép người dùng hủy đơn hàng đã đặt trong thời gian nhất định (trước khi giao cho đơn vị vận chuyển), nếu khách hàng đã thanh toán online trước, hệ thống sẽ hoàn lại số tiền tương ứng.

- Chức năng đổi trả hàng hoá:

* Hệ thống cần cung cấp chính sách đổi trả sản phẩm rõ ràng và dễ hiểu cho khách hàng.
* Hệ thống cần cung cấp chức năng yêu cầu đổi trả sản phẩm và thực hiện các bước liên quan để hoàn tất quy trình đổi trả.
* Hệ thống cần cập nhật trạng thái đổi trả sản phẩm để khách hàng có thể theo dõi tình trạng của đơn hàng.
* Người dùng cần cập nhật các minh chứng cho yêu cầu đổi, trả hàng hoá đồng thời cập nhật số tài khoản sẽ nhận hoàn tiền nếu yêu cầu trả hàng hoá được quản trị viên chấp nhận.

- Chức năng hỗ trợ khách hàng: cho phép khách hàng liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng để được hỗ trợ và giải đáp thắc mắc. Website có mục "Liên hệ với chúng tôi" với hai sự lựa chọn: nhắn tin trực tiếp hoặc gọi điện thoại.

**Nhân viên kinh doanh online:**

- Chức năng đăng nhập: nhân viên cần đăng nhập vào tài khoản được cấp từ công ty để có thể sử dụng các chức năng khác

- Chức năng quản lý sản phẩm: cho phép nhân viên thêm, sửa, xóa sản phẩm trên website.

- Chức năng quản lý danh mục sản phẩm: cho phép nhân viên quản lý các danh mục sản phẩm và thêm, sửa, xóa các danh mục này.

- Chức năng quản lý khách hàng: cho phép nhân viên xem thông tin chi tiết về khách hàng, bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, lịch sử mua hàng.

- Chức năng thống kê, báo cáo: cho phép nhân viên xem các thống kê về lượng truy cập, doanh thu, sản phẩm được mua nhiều nhất, địa chỉ giao hàng phổ biến, các đánh giá của khách hàng về sản phẩm... từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

- Chức năng quản lý đơn hàng: cho phép nhân viên xem thông tin chi tiết về các đơn hàng, bao gồm tình trạng của đơn hàng, địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán, thông tin sản phẩm được đặt hàng,... và có thể cập nhật tình trạng cho đơn hàng, gồm 3 tình trạng: đã đặt, đã huỷ và đã giao cho đơn vị vận chuyển.

- Chức năng quản lý giảm giá, khuyến mãi: cho phép nhân viên tạo các chương trình giảm giá, khuyến mãi để thu hút khách hàng và tăng doanh số, bao gồm: thêm, xoá, sửa.

- Chức năng quản lý tin tức, bài viết: cho phép nhân viên tạo các bài viết, tin tức để giới thiệu sản phẩm, thông tin của doanh nghiệp và tăng tương tác với khách hàng, bao gồm: thêm, xoá, sửa.

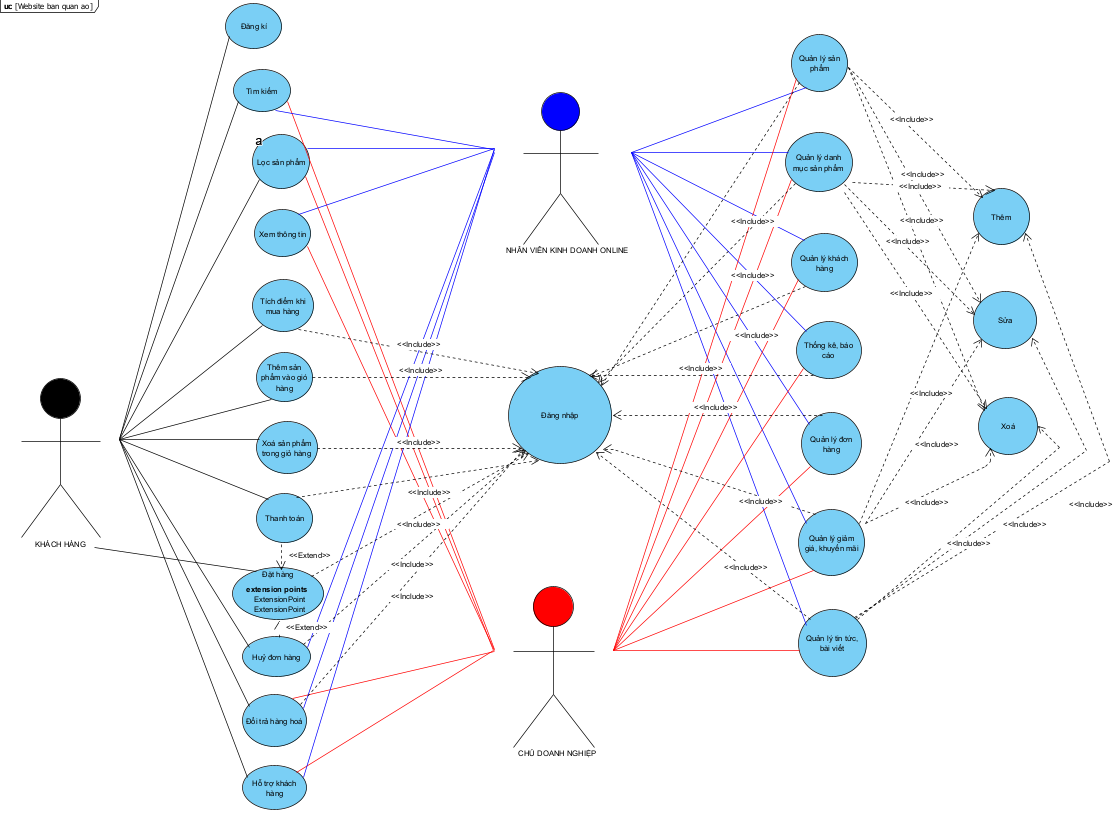
- Chức năng quản lý việc đổi trả hàng hóa: khi khách hàng yêu cầu đổi trả sản phẩm, nhân viên có thể xem thông tin chi tiết về vấn đề đổi trả sản phẩm: nhận và xem hình ảnh minh chứng việc sản phẩm bị lỗi/ có vấn đề, và xử lý yêu cầu của khách hàng nhanh chóng để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng.

* Nhân viên có một nút để chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu đổi trả sản phẩm của khách hàng.
* Nhân viên có thể cập nhật trạng thái đổi trả sản phẩm, thời gian hoàn tiền và các thông tin khác liên quan đến việc đổi trả.
* Nhân viên có thể xem và xuất báo cáo về số lượng sản phẩm được đổi trả, số tiền hoàn lại, thời gian xử lý yêu cầu đổi trả, và các thông tin khác liên quan đến việc quản lý đổi trả sản phẩm.

**Chủ doanh nghiệp:**

- Chủ doanh nghiệp cũng có thể sử dụng các chức năng tương tự như nhân viên.

### Sơ đồ use case



### Đặc tả sơ đồ use case

#### Đăng kí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Đăng kí** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng đăng kí giúp người dùng đăng kí một tài khoản để có thể đăng nhập và sử dụng được nhiều chức năng của trang web |  |
| **Actor chính:** khách hàng |  |
| **Actor phụ: không** |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** truy cập thành công vào trang web |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** khách hàng có một tài khoản để đăng nhập |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng chọn chức năng “Đăng kí” tại giao diện trang chủ | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng kí, bao gồm các ô trống: tên đăng nhập, mật khẩu, email, số điện thoại |
| 1. Khách hàng điền thông tin vào các ô trống |  |
| 1. Khách hàng ấn “Xác nhận” | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin khách hàng đã nhập vào ô trống |
|  | 1. Hệ thống gửi mã xác thực về số điện thoại đăng kí của khách hàng |
| 1. Khách hàng nhập mã xác thực | 1. Hệ thống kiểm tra mã xác thực |
|  | 1. Mã xác thực hợp lệ, hệ thống ghi nhận tài khoản đăng kí vào cơ sở dữ liệu |
|  | 1. Hệ thống trả về thông báo “Đăng kí thành công” |
|  | 1. Hệ thống chuyển sang giao diện đăng nhập |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 5.1 Nếu có ô khách hàng bỏ trống, hệ thống trả về thông báo “Vui lòng nhập đầy đủ thông tin” |
|  | 5.2 Quay lại bước 3 |
|  | 8.1 Nếu mã xác thực khách hàng nhập sai, hệ thống hiển thị thông báo “Mã xác thực sai.“ |
|  | 8.2 Quay lại bước 7 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  | 5.1.1 Nếu thông tin tài khách hàng muốn đăng kí đã tồn tại trên hệ thống, hệ thống trả về thông báo “Tài khoản đã tồn tại” |
|  | 5.1.2 Quay lại bước 2 |

#### Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** **Đăng nhập** |  |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng đăng nhập giúp người dùng có thể truy cập vào website bằng nhiều hình thức |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** đã có tài khoản (tài khoản đăng kí, mạng xã hội,...) |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** nếu đăng nhập thành công thì được sử dụng các chức năng của website |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Đăng nhập” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập website |
| 1. Người dùng nhập tài khoản, mật khẩu | 1. Hệ thống kiểm tra tài khoản, mật khẩu |
|  | 1. Nếu thông tin tài khoản và mật khẩu đúng, hệ thống hiển thị thông báo “ Đăng nhập thành công” |
|  | 1. Hệ thống thực hiện đăng nhập vào tài khoản và trả về trang chủ của website |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 4.1. Nếu thông tin tài khoản hoặc mật khẩu sai, hệ thống hiển thị thông báo “Nhập sai tài khoản hoặc mật khẩu” |
|  | 4.2. Hệ thống quay lại bước 2 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  | 5.1. Hệ thống kiểm tra nếu tài khoản đăng nhập là tài khoản quản trị |
|  | 5.2. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |

#### Tìm kiếm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng tìm kiếm giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm được sản phẩm một cách nhanh chóng bằng cách nhập từ khoá hoặc tên sản phẩm |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** truy cập thành công vào trang web |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** hiển thị danh sách sản phẩm phù hợp với nội dung tìm kiếm |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Tìm kiếm” tại giao diện trang chủ | 1. Hệ thống hiển thị con trỏ chuột tại khung tìm kiếm và lịch sử tìm kiếm của người dùng |
| 1. Người dùng nhập từ khoá hoặc tên sản phẩm vào khung tìm kiếm |  |
| 1. Người dùng ấn tìm kiếm | 1. Hệ thống lưu lại lịch sử tìm kiếm của người dùng |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra nội dung người dùng tìm kiếm |
|  | 1. Nếu tên sản phẩm có từ khoá khớp với nội dung tìm kiếm, hệ thống hiển thị hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm đó |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 2.1 Người dùng chọn một lịch sử tìm kiếm | 2.2 Quay lại bước 6 |
|  | 6.1 Nội dung người dùng tìm kiếm không có bất kì sản phẩm nào khớp, hệ thống trả về thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” |
|  | 6.2 Quay lại bước 2 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Lọc sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Lọc sản phẩm** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng lọc sản phẩm giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm được sản phẩm theo một hoặc nhiều tiêu chí |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** truy cập thành công vào trang web |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition): ):** hiển thị danh sách sản phẩm phù hợp với tiêu chí lọc sản ph |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Lọc sản phẩm” tại giao diện trang chủ | 1. Hệ thống hiển thị các tiêu chí: loại sản phẩm, màu sắc, khoảng giá, chất liệu |
| 1. Người dùng chọn một hoặc nhiều tiêu chí để lọc sản phẩm |  |
| 1. Người dùng chọn “Lọc” | 1. Hệ thống kiểm tra tiêu chí sản phẩm người dùng cần lọc |
|  | 1. Hệ thống trả về kết quả là hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm khớp với tiêu chí |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 3.1 Người dùng chọn huỷ | 3.2 Hệ thống quay trở lại giao diện trang chủ |
|  | 5.1 Hệ thống không tìm thấy bất kì sản phẩm nào đáp ứng đủ các tiêu chí, hệ thống trả về thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” |
|  | 5.2 Quay lại bước 3 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Xem thông tin sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Xem thông tin sản phẩm** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng xem thông tin sản phẩm giúp người dùng có thể xem chi tiết các thông tin của sản phẩm |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** truy cập thành công vào trang web |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** xem được đẩy đủ thông tin chi tiết của sản phẩm |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn xem chi tiết thông tin sản phẩm | 1. Hệ thống chuyển sang giao diện thông tin sản phẩm, bao gồm: hình ảnh, giá cả, mô tả sản phẩm, đánh giá, thêm vào giỏ hàng |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 2.1 Người dùng chọn xem thêm đánh giá | 2.2 Hệ thống hiển thị tất cả các nhận xét và số sao đánh giá |
| 2.3 Người dùng chọn vào một sao đánh giá bất kì | 2.4 Hệ thống hiển thị tất cả các nhận xét có số sao đánh giá tương ứng |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng** |  |
| **Mô tả sơ lược**: Chức năng “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” giúp khách hàng có thể lựa chọn và mua nhiều sản phẩm cùng lúc |  |
| **Actor chính**: Khách hàng |  |
| **Actor phụ**: không |  |
| **Tiền điều kiện**: Đăng nhập thành công |  |
| **Hậu điều kiện**: Số lượng sản phẩm trong giỏ hàng được cập nhật, khách hàng có thể tiếp tục mua sắm hoặc thanh toán |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn thêm | 1. Hệ thống hiển thị hình ảnh, thông tin sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra màu sắc, số lượng, size tồn kho của sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống hiển thị size, màu sắc, số lượng của sản phẩm |
| 1. Khách hàng tiến hành chọn size, màu sắc, số lượng theo yêu cầu của hệ thống |  |
| 1. Khách hàng chọn chức năng “ Thêm vào giỏ hàng” | 1. Hệ thống cập nhật thông tin, số lượng và giá trị của sản phẩm vào giỏ hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Thêm vào giỏ hàng thành công” |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 3.1.Nếu sản phẩm không còn tồn trong kho thì hệ thống ẩn size, màu sắc, số lượng liên quan đến sản phẩm đó |
|  | 3.2. Quay lại bước 4 |
|  | 7.1. Nếu sản phẩm đã có trong giỏ hàng, hệ thống sẽ chỉ cập nhật số lượng |
|  | 7.2. Nếu có chương trình khuyến mãi áp dụng cho sản phẩm, hệ thống sẽ thông báo và cập nhật giá trong giỏ hàng |
|  | 7.3. Quay lại bước 8 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng** |  |
| **Mô tả**: Chức năng “Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng” cho phép khách hàng có thể xóa những sản phẩm không muốn mua và quản lý các sản phẩm đã chọn |  |
| **Actor chính**: Khách hàng |  |
| **Actor phụ** : không |  |
| **Tiền điều kiện**: Đăng nhập thành công |  |
| **Hậu điều kiện**: Giỏ hàng được cập nhật , không chứa thông tin sản phẩm ( bao gồm số lượng, giá cả) đã xóa |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng truy cập vào giỏ hàng của mình | 1. Hệ thống hiển thị giỏ hàng của khách hàng |
| 1. Khách hàng kiểm tra giỏ hàng, chọn sản phẩm muốn xóa và chọn chức năng “ Xóa” hoặc “Xóa tất cả” | 1. Hệ thống kiểm tra giỏ hàng, hiển thị yêu cầu “Xác nhận” để khách hàng xác nhận xóa sản phẩm |
| 1. Khách hàng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống xóa sản phẩm được chọn hoặc xóa tất cả giỏ hàng |
|  | 1. Hệ thống cập nhật sản phẩm và giá trị hiện tại của giỏ hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Xóa thành công” |
|  | 1. Hệ thống đưa sản phẩm bị xóa vào thùng rác |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giỏ hàng sau khi cập nhật |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 4.1. Khách hàng thoát khỏi yêu cầu “Xác nhận” | 4.2. Hệ thống quay lại bước 2 |
|  | 9.1.Hệ thống lưu trữ sản phẩm đó trong thùng rác trong vòng 7 ngày. Sau 7 ngày, hệ thống sẽ tự động xóa vĩnh viễn. |
| 9.2. Khách hàng vào thùng rác và chọn sản phẩm muốn khôi phục. Sau đó, chọn “Khôi phục” | 9.3. Hệ thống khôi phục sản phẩm về giỏ hàng |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Đặt hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Đặt hàng** |  |
| Mô tả: chức năng “Đặt hàng” cho phép khách hàng đặt hàng |  |
| Actor chính: Khách hàng |  |
| Actor phụ: Không |  |
| Tiền điều kiện: Đăng nhập thành công |  |
| Hậu điều kiện: Người dùng sẽ nhận được sản phẩm đã đặt đúng như mô tả trong khoảng thời gian nhất định |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng chọn các sản phẩm muốn mua trong giỏ hàng, sau đó chọn chức năng “Đặt hàng” | 1. Hệ thống hiển thị đơn hàng và yêu cầu khách hàng nhập thông tin để giao hàng |
| 1. Khách hàng tiến hành nhập các thông tin cần thiết để giao hàng | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin khách hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị đơn hàng,giá trị đơn hàng và thông tin khách hàng để khách hàng kiểm tra lại và xác nhận đơn hàng |
| 1. Khách hàng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống xác nhận và gửi lại các thông tin liên quan đến đơn hàng để khách hàng theo dõi đơn hàng của mình |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 4.1. Nếu khách hàng nhập thông tin sai yêu cầu hoặc không đầy đủ hệ thống sẽ thông báo “Thông tin không hợp lệ” và yêu cầu khách hàng nhập lại thông tin |
|  | 4.2. Quay lại bước 3 |
| 5.1. Khách hàng chọn “Hủy” | 5.2. Hệ thống quay lại giỏ hàng của khách hàng |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Thanh toán** |  |
| Mô tả: chức năng “Thanh toán” cho phép khách hàng thanh toán đơn hàng sau khi xác nhận đặt hàng |  |
| Actor chính: Khách hàng |  |
| Actor phụ: Không |  |
| Tiền điều kiện: Đăng nhập thành công |  |
| Hậu điều kiện: Khách hàng sẽ nhận được thông báo xác nhận về việc thanh toán và thời gian giao hàng dự kiến |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Sau khi xác nhận đặt hàng, khách hàng chọn chức năng “Thanh toán” | 1. Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng |
| 1. Khách hàng chọn 1 trong số các phương thức thanh toán của hệ thống | 1. Hệ thống xác nhận phương thức thanh toán và gửi thông tin giá trị đơn hàng |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập các thông tin thanh toán |
| 1. Khách hàng nhập thông tin thanh toán theo yêu cầu của hệ thống | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin thanh toán và hiện thị thông báo “Thông tin hợp lệ” |
| 1. Khách hàng thanh toán | 1. Hệ thống xác nhận và gửi thông báo xác nhận thanh toán cho khách hàng |
| 1. Khách hàng xác nhận thanh toán | 1. Hệ thống hiển thị thông báo “Thanh toán thành công” |
|  | 1. Hệ thống hiển thị điểm tích lũy của khách hàng |
|  | 1. Hệ thống gửi thông tin xác nhận đơn hàng cho khách hàng |
|  | 1. Hệ thống quay lại trang chủ của cửa hàng |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 3.1. Khách hàng chọn phương thức “Thanh toán sau khi nhận hàng” | 3.2. Hệ thống xác nhận phương thức thanh toán và hiển thị “Đơn hàng chưa thanh toán” |
|  | * 1. Nếu có vấn đề xảy ra với việc thanh toán, hệ thống hiển thị “Lỗi” và cung cấp hướng dẫn để khắc phục |
| * 1. Khách hàng chọn phương thức khác để thanh toán | * 1. Hệ thống quay lại bước 4 |
|  | * 1. Hệ thống thông báo “Thông tin thanh toán không hợp lệ” và yêu cầu khách hàng nhập lại thông tin |
|  | * 1. Hệ thống quay lại bước 5 |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  | 1. Hệ thống nhận thông báo hoàn tiền cho khách hàng   (Liên kết với chức năng “Hủy đơn hàng” và “ Đổi trả hàng hóa") |
|  | 1. Hệ thống xác nhận thông tin, giá trị đơn hàng và thông tin khách hàng |
|  | 1. Hệ thống hoàn lại 100% giá trị đơn hàng cho khách hàng qua tài khoản đã thanh toán |

#### Tích điểm khi mua hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tích điểm khi mua hàng** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng tích điểm giúp người dùng tích lũy một số điểm cụ thể sau khi thực hiện mua hàng nào đó từ wedsite, điểm tích lũy để đổi ưu đãi cho các sản phẩm của website |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Người dùng có tài khoản đăng kí trên website thực hiện mua hàng trên website để được tích điểm |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Sau khi người dùng tích điểm thành công, hệ thống sẽ cập nhật thông tin tích điểm, người dùng có thể xem và sử dụng số điểm tích lũy để đổi quà tặng hoặc giảm giá cho các sản phẩm trên website |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng đăng nhập thành công và đang thanh toán mua sản phẩm |  |
| 1. Người dùng sử dụng chức năng ưu đãi tích lũy | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đổi điểm tích lũy |
| 1. Người dùng lựa chọn ưu đãi đổi điểm mong muốn | 1. Hệ thống áp dụng ưu đãi tương ứng vào đơn hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị số điểm tạm tính có thể tích lũy khi mua sản phẩm |
| 1. Người dùng xác nhận thanh toán mua sản phẩm | 1. Hệ thống tự động thực hiện cộng trừ điểm điểm tích lũy tương ứng vào tài khoản của khách hàng |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 4.1. Nếu điểm tích lũy của người dùng không đủ để sử dụng ưu đãi, hệ thống hiển thị thông báo ‘Điểm tích lũy không đủ điều kiện để áp dụng ưu đãi |
|  | 4.2. Hệ thống quay lại bước 3 |
|  | 8.1 Nếu người dùng tự hủy đơn hàng hoặc đơn hàng tự hủy, hệ thống sẽ hoàn lại 100% số điểm tích lũy của người dùng đã đổi và trừ đi số điểm tích lũy đã nhận được khi mua đơn hàng |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  |  |

#### Huỷ đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Hủy đơn hàng** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng hủy đơn hàng giúp người dùng có thể dừng đơn hàng đang được thực hiện |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** có đơn hàng sản phẩm website đang được thực hiện |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Người dùng có thể hủy đơn hàng theo mong muốn |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng Hủy đơn hàng | 1. Hệ thống kiểm tra tình trạng đơn hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện ‘ lý do hủy đơn hàng’ |
| 1. Người dùng nhập lý do hủy đơn hàng |  |
| 1. Người dùng xác nhận gửi lý do hủy đơn hàng | 1. Hệ thống gửi yêu cầu hủy đơn hàng cho bộ phận quản trị viên |
|  | 1. Hệ thống hiện thị thông báo ‘Đã gửi yêu cầu hủy đơn hàng, đang trong quá trình xét duyệt’ |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông báo ‘ Hủy đơn hàng thành công’ |
|  | 1. Hệ thống chuyển đơn hàng sang trạng thái ‘Đã hủy’ |
|  | 1. Hệ thống chuyển đơn hàng từ danh sách đơn hàng đang giao sang đơn đã hủy |
|  | 1. Hệ thống thực hiện hoàn lại hàng tồn kho |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
|  | 2.1 Nếu tình trạng đơn hàng là ‘Đã giao hàng’ thì hệ thống thông báo ‘Không thể hủy đơn hàng’ |
|  | 2.2 Hệ thống trả về trang chủ website |
|  | 6.1. Nếu quản trị viên từ chối yêu cầu hủy đơn hàng thì hệ thống hiển thị giao diện thông báo ‘Hủy đơn hàng không thành công + lý do từ chối hủy đơn của quản trị viên ’ |
| 6.2 Người dùng xác nhận thông báo | 6.3 Hệ thống trở lại trang chủ đơn web |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  | 4.1.1 Nếu yêu cầu hủy đơn hàng từ tài khoản quản trị viên thì hệ thống thực hiện bước 7 |

#### Đổi trả hàng hoá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Đổi trả hàng hóa** |  |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng đổi trả hàng hóa cho phép người dùng có thể yêu cầu đổi trả sản phẩm đã mua nếu sản phẩm đó không phù hợp hoặc có vấn đề về chất lượng |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** người dùng đã mua sản phẩm từ website và đã nhận được hàng |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** người dùng được đổi trả khi sản phẩm bị lỗi và trục trặc |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Đổi trả hàng hóa” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đổi trả hàng hóa |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập lí do đổi trả, hình ảnh minh họa và hình thức đổi trả |
| 4. Người dùng nhập lí do đổi trả,hình ảnh minh họa và hình thức đổi trả |  |
| 5. Người dùng xác nhận đổi trả hàng hóa | 6. Hệ thống gửi yêu cầu đổi trả hàng hóa cho quản trị viên |
|  | 7. Hệ thống hiển thị thông báo ‘yêu cầu đổi trả đang xét duyệt’ |
|  | 8. Hệ thống nhận lệnh quản trị viên đồng ý yêu cầu đổi trả |
|  | 9. Hệ thống đổi trả 100% giá trị của đơn hàng đổi trả theo hình thức người dùng mong muốn |
|  | 10. Hệ thống hiển thị thông báo đến người dùng ‘đổi trả thành công’ |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 4.1 Người dùng không xác nhận đổi trả | 4.2 Hệ thống quay lại bước 2 |
|  | 7.1 Hệ thống nhận lệnh quản trị viên không đồng ý đổi trả |
|  | 7.2 Hệ thống hiển thị thông báo ‘Yêu cầu đổi trả không thành công + lý do từ chối đổi trả của quản trị viên’ |
|  | 7.3 Hệ thống quay lại trang chủ trang web |
|  | 9.1 Nếu người bán muốn đổi trả với hình thức chuyển khoản thì hệ thống hiện giao diện yêu cầu nhập stk, ngân hàng |
| 9.2 Người dùng nhập stk, ngân hàng | 9.3 Hệ thống hoàn trả 100% giá trị đơn hàng bằng chuyển khoản qua stk, ngân hàng của người dùng |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Hỗ trợ khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Hỗ trợ khách hàng** |  |
| **Mô tả sơ lược:** chức năng hỗ trợ khách hàng giúp người dùng giải quyết được các vấn đề hoặc câu hỏi liên quan đến sản phẩm hoặc dịch vụ của trang web |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Truy cập thành công vào trang web |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** cung cấp giải pháp, tư vấn, giải quyết khiếu nại, tài liệu hướng dẫn hay yêu cầu của khách hàng |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng hỗ trợ khách hàng | 2. Hệ thống hiển thị giao diện chăm sóc khách hàng |
|  | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chọn ‘chat với nhân viên chăm sóc khách hàng’ và ‘ gọi điện trực tiếp với nhân viên’ |
| 4. Người dùng lựa chọn chat với nhân viên chăm sóc khách hàng | 5. Hệ thống hiển thị giao diện chat và kết nối với nhân viên chăm sóc khách hàng |
| **− Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 3.1 Người dùng chọn gọi điện trực tiếp với khách hàng | 3.2 Hệ thống hiển thị giao diện gọi điện và kết nối với tổng đài nhân viên chăm sóc khách hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| **− Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  | 3.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo ‘ Xin vui lòng liên hệ lại sau’ nếu nhân viên tư vấn chăm sóc khách hàng đều đang bận hoặc nằm ngoài khung giờ hành chính |
|  | 3.1.2 Hệ thống quay lại bước 3 |

#### Quản lý sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Quản lý sản phẩm (thêm)** | |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng quản lý sản phẩm giúp cho tài khoản quản trị có thể thêm sản phẩm trên trang web một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: thêm thành công sản phẩm lên trang web | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| Actor | System |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Thêm sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá cả, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả |
| 1. Người dùng nhập thông tin sản phẩm, sau khi hoàn tất ấn “Xác nhận” | 1. Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm vừa nhập và mã sản phẩm hiện có trên web |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Đã thêm sản phẩm lên thành công” |
|  | 1. Hệ thống thêm sản phẩm vừa nhập vào trang web |
|  | 1. Hệ thống quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |
|  | 7.1 Nếu mã sản phẩm muốn thêm đã tồn tại trên hệ thống, hệ thống thông báo “Mã sản phẩm đã tồn tại, thêm thất bại” |
|  | 7.2 Quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Quản lý sản phẩm (xoá)** | |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng quản lý sản phẩm giúp cho tài khoản quản trị có thể xóa sản phẩm trên trang web một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: sản phẩm bị xóa ra khỏi trang bày bán | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Xóa sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị “Tìm kiếm mã sản phẩm” |
| 1. Người dùng nhập mã sản phẩm | 1. Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Bạn có chắc muốn xóa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. |
| 1. Người dùng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống tiến hành xoá sản phẩm ra khỏi trang web |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Xoá sản phẩm có mã … thành công” và quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |
|  | 7.1 Nếu mã sản phẩm không tìm thấy, hệ thống đưa ra thông báo “Mã sản phẩm không tồn tại” và quay lại bước 5 |
| 9.1 Người dùng chọn “Dừng thao tác” | 9.1 Quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Quản lý sản phẩm (sửa)** | |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng quản lý sản phẩm giúp cho tài khoản quản trị có thể sửa sản phẩm trên trang web một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: sản phẩm được cập nhật lại thông tin | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Sửa sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị “Tìm kiếm mã sản phẩm” |
| 1. Người dùng nhập mã sản phẩm | 1. Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm và nút “Sửa” |
| 1. Người dùng chọn “Sửa” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện sửa sản phẩm |
| 1. Người dùng nhập thông tin cần sửa của sản phẩm vào hàng tương ứng (ví dụ: mô tả), sau khi hoàn tất chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống ghi nhận lại thông tin mới của sản phẩm và hiển thị lại thông tin sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Bạn có chắc muốn sửa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. |
| 1. Người dùng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống tiến hành cập nhật lại thông tin cho sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Sửa sản phẩm có mã … thành công” và quay lại bước 3 |
| * **Luồng sự kiện thay thế** | |
|  | 7.1 Nếu mã sản phẩm không tìm thấy, hệ thống đưa ra thông báo “Mã sản phẩm không tồn tại” và quay lại bước 5 |
| 13.1 Người dùng chọn “Dừng thao tác” | 13.2 Quay lại bước 3 |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |

#### Quản lý danh mục sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** : **Quản lý danh mục sản phẩm (thêm)** | |
| **Mô tả sơ lược**: Chức năng quản lý danh mục sản phẩm cho phép người quản trị có thể thêm danh mục sản phẩm một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: Nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: Chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: Đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: đã thêm thành công danh mục sản phẩm | |
| **Luồng sự kiện chính** |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý danh mục sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa danh mục sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Thêm danh mục sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục |
| 1. Người dùng nhập thông tin danh mục, sau khi hoàn tất ấn “Xác nhận” | 1. Hệ thống kiểm tra mã danh mục vừa nhập và mã danh mục hiện có trên web |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Đã thêm danh mục thành công” |
|  | 1. Hệ thống thêm danh mục sản phẩm vừa nhập vào trang web |
|  | 1. Hệ thống quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  |
|  | 7.1 Nếu mã danh mục muốn thêm đã tồn tại trên hệ thống, hệ thống thông báo “Danh mục đã tồn tại, thêm thất bại” |
|  | 7.2 Quay lại bước 5 |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Quản lý danh mục sản phẩm (xoá)** | |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng quản lý sản phẩm giúp cho tài khoản quản trị có thể xóa danh mục sản phẩmsản phẩm trên trang web một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: sản phẩm bị xóa ra khỏi trang bày bán | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý danh mục sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa danh mục sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Xóa danh mục sản phẩm ” | 1. Hệ thống hiển thị “Tìm kiếm mã danh mục” |
| 1. Người dùng nhập mã danh mục | 1. Hệ thống kiểm tra mã danh mục |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông tin danh mục ứng với mã danh mục vừa nhập |
|  | 1. Hệ thống hiển thị “Bạn có chắc muốn xóa danh mục này” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. |
| 1. Người dùng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống tiến hành xoá danh mục ra khỏi trang web |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Xoá danh mục có mã … thành công” và quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |
|  | 7.1 Nếu mã danh mục không tìm thấy, hệ thống đưa ra thông báo “Mã danh mục không tồn tại” và quay lại bước 5 |
| 9.1 Người dùng chọn “Dừng thao tác” | 9.1 Quay lại bước 3 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case**: **Quản lý danh mục sản phẩm (sửa)** | |
| **Mô tả sơ lược**: chức năng quản lý danh mục sản phẩm cho phép người quản trị có thể sửa danh mục sản phẩm một cách nhanh chóng. | |
| **Actor chính**: nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ**: chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện**: đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện**: sản phẩm được cập nhật lại thông tin | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Quản lý danh mục sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị các mục thêm, xoá, sửa sản phẩm |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Sửa danh mục sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị “Tìm kiếm mã danh mục” |
| 1. Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | 1. Hệ thống kiểm tra mã danh mục |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông tin danh mục ứng với mã sản phẩm và nút “Sửa” |
| 1. Người dùng chọn “Sửa” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện sửa danh mục |
| 1. Người dùng nhập thông tin cần sửa của sản phẩm vào hàng tương ứng (ví dụ: tên danh mục), sau khi hoàn tất chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống ghi nhận lại thông tin mới của danh mục và hiển thị lại thông tin danh mục |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Bạn có chắc muốn sửa danh mục” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. |
| 1. Người dùng chọn “Xác nhận” | 1. Hệ thống tiến hành cập nhật lại thông tin cho danh mục |
|  | 1. Hệ thống thông báo “Sửa danh mục có mã … thành công” và quay lại bước 3 |
| * **Luồng sự kiện thay thế** | |
|  | 7.1 Nếu mã danh mục không tìm thấy, hệ thống đưa ra thông báo “Mã sản phẩm không tồn tại” và quay lại bước 5 |
| 13.1 Người dùng chọn “Dừng thao tác” | 13.2 Quay lại bước 3 |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** | |

#### Quản lý khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** **Quản lý khách hàng** | |
| **Mô tả sơ lược:** Chức năng quản lý khách hàng: cho phép người quản trị xem thông tin chi tiết về khách hàng | |
| **Actor chính:** Nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ:** Chủ doanh nghiệp | |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện:** Biết được thông tin khách hàng đã mua hàng (bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, lịch sử mua hàng.) | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn vào chức năng “Quản lý khách hàng” | 1. Hệ thống hiển thị mục “Tìm kiếm khách hàng” (theo mã khách hàng) |
| 1. Người dùng nhập mã khách hàng vào mục “Tìm kiếm khách hàng” | 1. Hệ thống kiểm tra mã khách hàng |
|  | 1. Hệ thống hiển thị toàn bộ thông tin khách hàng (bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, lịch sử mua hàng.) |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  |
|  | 5.1. Nếu không có mã khách hàng tương ứng, hệ thống sẽ hiển thị “Khách hàng không tồn tại” và trả về bước 3 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ** | |

#### Thống kê, báo cáo

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** **Thống kê, báo cáo** | |
| Mô tả sơ lược: Chức năng “thống kê, báo cáo” cho phép người quản trị xem các thống kê báo cáo về tình hình hoạt động của website. | |
| **Actor chính:** Nhân viên kinh doanh | |
| **Actor phụ:** Không | |
| **Tiền điều kiện:** Đăng nhập bằng tài khoản quản trị thành công | |
| **Hậu điều kiện:** Có được dữ liệu thống kê báo cáo để có thể đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện trang chủ quản trị |
| 1. Người dùng chọn vào chức năng “Thống kê, báo cáo” | 1. Hệ thống kiểm tra loại tài khoản |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mục “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” |
| 1. Người dùng chọn “Thống kê theo sản phẩm” | 1. Hệ thống hiển thị ô tìm kiếm yêu cầu người dùng nhập mã sản phẩm |
| 1. Người dùng nhập mã sản phẩm | 1. Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm |
|  | 1. Hệ thống hiển thị các thống kê về sản phẩm như: lượng truy cập, doanh thu, địa chỉ giao hàng phổ biến, các đánh giá của khách hàng về sản phẩm... |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |
| 4.1 Người dùng chọn “Thống kê theo thời gian” | 4.2 Hệ thống hiển thị yêu cầu người dùng chọn thời gian muốn thống kê |
| 4.3 Người dùng chọn thời gian | 4.4 Hệ thống hiển thị các thống kê chung như: lượng truy cập, doanh thu, sản phẩm bán trội, sản phẩm ít lượt bán…ứng với khoảng thời gian người dùng đã chọn |
|  | 8.1. Nếu tên sản phẩm không có trên hệ thống, hệ thống hiển thị “Mã sản phẩm không tồn tại” và quay về bước 4 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ** | |

#### Quản lý đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý đơn hàng (lọc, sắp xếp)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** Giúp người dùng thông tin chi tiết về các đơn hàng, bao gồm tình trạng của đơn hàng (chờ lấy hàng, đang vận chuyển, đã giao, đã hủy, đã hoàn trả), địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán, thông tin sản phẩm được đặt hàng. |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Đơn hàng được sắp xếp theo trình tự rõ ràng |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor:** | **System:** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng | 3. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) |
| 4. Người dùng chọn các đơn hàng theo tình trạng | 5. Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng |
| 6. Người dùng chọn vào mã đơn hàng mình muốn | 7. Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết của đơn hàng có mã đơn hàng đã được người dùng chọn |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 3.1 Người dùng chọn lọc các đơn hàng theo thời gian (ngày, tháng, năm) | 3.2. Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo thời gian |
|  | 3.3 Hệ thống quay lại bước 6 |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý đơn hàng (cập nhật)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** Giúp người dùng cập nhật tình trạng của đơn hàng (Đã đặt, đã giao đơn vị vận chuyển, đã hủy) |  |
| **Actor chính:** người dùng |  |
| **Actor phụ:** không có |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Đơn hàng được cập nhật tình trạng |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor:** | **System:** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng | 3. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) |
| 4. Người dùng chọn cập nhật tình trạng đơn hàng | 5. Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng |
| 6. Người dùng chọn các mã đơn hàng có tình trạng “đã đặt” |  |
| 7. Người dùng bấm tiếp tục | 8. Hệ thống hiển thị các trạng thái cho người dùng cập nhật (không có trạng thái mã đơn hàng đang có sẵn) |
| 9. Người dùng chọn cập nhật trạng thái “đã giao cho đơn vị vận chuyển” | 10. Hệ thống xác nhận và cập nhật tình trạng của đơn hàng |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 8.1. Người dùng chọn cập nhật trạng thái “đã hủy” | 8.2. quay lại bước 10 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

#### Quản lý giảm giá, khuyến mãi

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý giảm giá khuyến mãi (thêm)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng thêm các chương trình giảm giá, khuyến mãi |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Thêm thành công mã giảm giá cho sản phẩm |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa |
| 4. Người dùng chọn chức năng thêm mã giảm giá | 5. Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập thông tin mã giảm giá |
| 6. Người dùng nhập thông tin mã giảm giá và nhập mã sản phẩm áp dụng mã giảm giá này, sau khi hoàn tất ấn “Xác nhận” | 7. Hệ thống hiển thị thông tin lại thông tin mã giảm giá và nút xác nhận |
| 8. Người dùng nhấn xác nhận | 9. Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng thêm mã giảm giá cho sản phẩm tương ứng |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 5.1. Người dùng nhập mã thông tin mã giảm giá và chọn áp dụng cho tất cả sản phẩm, sau khi hoàn tất ấn “Xác nhận” | 5.2 Quay lại bước 7 |
| 7.1 Người dùng nhấn hủy | 7.2 Quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý giảm giá khuyến mãi (sửa)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng sửa các chương trình giảm giá, khuyến mãi |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Mã giảm giá của sản phẩm được cập nhật |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa |
| 4. Người dùng chọn chức năng sửa mã giảm giá | 5. Hệ thống hiển thị các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm |
| 6. Người dùng chọn các mã giảm giá cần sửa | 7. Hệ thống hiển thị giao diện sửa mã giảm giá cho người dùng |
| 8. Người dùng sửa mã giảm giá | 9. Hệ thống hiện bảng xác nhận sửa cho người dùng |
| 10. Người dùng chọn xác nhận | 11. Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng sửa mã giảm giá |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 9.1 Người dùng nhấn hủy | 9.2. quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý giảm giá khuyến mãi (xóa)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng xóa các chương trình giảm giá, khuyến mãi |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Mã giảm giá bị xóa khỏi sản phẩm |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor** | **System** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa |
| 4. Người dùng chọn chức năng xóa mã giảm giá | 5. Hệ thống hiển thị giao diện các mã giảm giá hiện có của các sản phẩm |
| 6. Người dùng chọn các mã giảm giá cần xóa | 7. Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa mã giảm giá |
| 8. Người dùng nhấn xác nhận | 9. Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng xóa mã giảm giá |
| * **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 7.1. Người dùng nhấn hủy | 7.2 quay lại bước 5 |
| * **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |
|  |  |

#### Quản lý tin tức, bài viết

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý tin tức bài viết (thêm bài viết)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng tạo các bài viết, tin tức để giới thiệu sản phẩm, thông tin của doanh nghiệp |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Bài viết mới sẽ được thêm vào trang chủ tin tức |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor:** | **System:** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết |
| 4. Người dùng chọn thêm bài viết | 5. Hệ thống hiển thị giao diện đăng bài viết |
| 6. Người dùng thêm bài viết và ấn đăng bài | 7. hệ thống hiển thị bảng xác nhận đăng bài |
| 8. Người dùng chọn xác nhận | 9. hệ thống đưa bài viết lên trang chủ tin tức của website |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 7.1 Người dùng nhấn hủy | 7.2 quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý tin tức bài viết (xóa bài viết)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng tạo các bài viết, tin tức để giới thiệu sản phẩm, thông tin của doanh nghiệp |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Bài viết sẽ bị xóa khỏi trang chủ tin tức |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor:** | **System:** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết |
| 4. Người dùng chọn xóa bài viết | 5. Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức |
| 6. Người dùng chọn bài viết cần xóa | 7. Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa bài viết |
| 8. Người dùng chọn xác nhận | 9. hệ thống xóa bài viết khỏi trang chủ tin tức của website |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 7.1 Người dùng nhấn hủy | 7.2 quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý tin tức bài viết (sửa bài viết)** |  |
| **Mô tả sơ lược:** cho phép người dùng sửa các bài viết, tin tức để giới thiệu sản phẩm, thông tin của doanh nghiệp |  |
| **Actor chính:** nhân viên kinh doanh |  |
| **Actor phụ:** chủ doanh nghiệp |  |
| **Tiền điều kiện (Pre-condition):** Đăng nhập thành công vào website bằng tài khoản quản trị |  |
| **Hậu điều kiện (Post-condition):** Bài viết trên trang chủ tin tức được cập nhật |  |
| **Luồng sự kiện chính (main flow):** |  |
| **Actor:** | **System:** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ quản trị của website |
| 2. Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết | 3. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết |
| 4. Người dùng chọn sửa bài viết | 5. Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức |
| 6. Người dùng chọn bài viết cần sửa | 7. hệ thống hiển thị thông tin, nội dung của bài viết |
| 8. Người dùng sửa nội dụng bài viết | 9. hệ thống hiển thị bảng xác nhận sửa bài viết |
| 10. Người dùng nhấn xác nhận | 11. Hệ thống xác nhận và cập nhật bài viết |
| **Luồng sự kiện thay thế (alternate flow):** |  |
| 9.1 Người dùng nhấn hủy | 9.2. quay lại bước 5 |
| **Luồng sự kiện ngoại lệ (exception flow):** |  |

## Yêu cầu phi chức năng (Non-functional requirements)

[SRS-23]

- Yêu cầu an toàn (Safety Requirements):

* Website phải được thiết kế với sự ổn định và khả năng đáp ứng tốt để tránh các sự cố kỹ thuật có thể ảnh hưởng đến trải nghiệm mua sắm và thanh toán của khách hàng.
* Hạn chế số lượng các công cụ và phần mềm không cần thiết trên website, giảm thiểu nguy cơ cho việc tấn công từ phía bên ngoài.
* Tạo ra sao lưu định kỳ cho website và các tài liệu quan trọng. Đảm bảo dữ liệu không mất mát do sự cố kỹ thuật, hoặc nguy hiểm từ các cuộc tấn công.
* Thiết lập một hệ thống chính sách và quy trình bảo vệ thông tin cá nhân, đảm bảo rằng website Yody tuân thủ các quy định và luật pháp về bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng.
* Sử dụng các công nghệ mã hóa và bảo mật để bảo vệ thông tin nhạy cảm của khách hàng ở mức độ cao nhất có thể.
* Thực hiện các bước kiểm tra tiêu chuẩn an toàn trước khi triển khai website Yody và đảm bảo nó đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn của ngành.
* Có một phương thức hỗ trợ khách hàng nhanh, hiệu quả và an toàn để giải quyết các vấn đề an toàn liên quan đến website, giúp họ an tâm khi mua sắm trực tuyến tại Yody.

- Yêu cầu an ninh (Security Requirements):

* Bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng trên website, đảm bảo không bị rò rỉ hoặc lợi dụng một cách bất hợp pháp.
* Sử dụng các phương thức xác thực đúng và an toàn khi khách hàng đăng nhập và thực hiện giao dịch trên website.
* Kết nối website với các cổng thanh toán an toàn, đảm bảo thông tin thanh toán của khách hàng không bị đánh cắp hoặc lợi dụng.
* Giám sát hoạt động của các tài khoản trên website, để phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận hoặc lừa đảo.
* Cập nhật thường xuyên cho website các bản vá lỗi mới nhất, đảm bảo trang web không bị tấn công bởi các hacker hay phần mềm độc hại.
* Cài đặt hệ thống bảo mật đủ mạnh để ngăn chặn các cuộc tấn công và cố gắng đánh cắp thông tin của website.
* Khai thác bảo mật để đảm bảo các thông tin của khách hàng được bảo vệ một cách tối đa.
* Thiết lập chính sách bảo mật và kiểm soát truy cập cho nhân viên của cửa hàng, giảm thiểu nguy cơ lỗ hỏng bảo mật do bên ngoài hoặc bên trong gây ra.
* Đào tạo và tập huấn nhân viên về các quy định và quy trình về an ninh và bảo mật thông tin.
* Cung cấp cho khách hàng các thông tin liên quan đến an ninh và bảo mật trên website của cửa hàng, đầu tư vào việc giải đáp các thắc mắc hay phản hồi các trường hợp liên quan đến việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng.

- Các thuộc tính chất lượng phần mềm (Software Quality Attributes):

+ Hiệu suất (Performance): Website phải đảm bảo tốc độ truy cập nhanh chóng và ổn định, đáp ứng được lượng truy cập đồng thời của nhiều người dùng. Website phải đảm bảo vận hành 24/7, nâng cấp tối đa 1 lần trong vòng 3 tháng, downtime mỗi năm không quá 1 giờ đồng hồ.

+ Khả năng mở rộng (Scalability): Website phải có khả năng mở rộng để đáp ứng với sự tăng trưởng của doanh nghiệp trong tương lai.

+ Khả năng tương thích (Compatibility): Website phải được thiết kế để hoạt động trên nhiều thiết bị và trình duyệt khác nhau, đảm bảo trải nghiệm người dùng thuận tiện.

+ Thân thiện với người dùng (Usability): Trang web cần được thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và dễ tìm kiếm. Cần có một giao diện thân thiện với người dùng, các nút chức năng rõ ràng, thông tin sản phẩm đầy đủ và dễ dàng tìm kiếm sản phẩm.

* Hệ thống đều phải hỏi xác nhận (Y/N) cho các thao tác xóa.
* Toàn bộ danh mục phải được sắp xếp theo thứ tự A to Z và số tăng dần.
* Các lưới dữ liệu xuất hiện trên hệ thống đều phải có chức năng filter và sort.

+ Sẵn sàng sử dụng (Reliability): Website phải hoạt động ổn định và đáng tin cậy, đảm bảo hoạt động liên tục trong khoảng thời gian dài.

+ Dễ bảo trì và nâng cấp (Maintainability and Upgradability): Website phải được thiết kế để dễ bảo trì và nâng cấp trong tương lai, đảm bảo tính ổn định và khả năng phát triển của website.

+ Tuân thủ quy định pháp luật (Compliance): Website phải tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức của ngành kinh doanh, đảm bảo hoạt động hợp pháp và đáng tin cậy.

Type: Section

## Yêu cầu dữ liệu (Data requirements)

[SRS-24]

- Sản phẩm: Trang web cần có một cơ sở dữ liệu sản phẩm chứa thông tin về tên sản phẩm, hình ảnh, mô tả, giá cả, kích cỡ, màu sắc, chất liệu và số lượng trong kho. Cần phải đảm bảo cập nhật thông tin sản phẩm thường xuyên để đáp ứng được nhu cầu mua sắm của khách hàng.

- Khách hàng: Trang web cần phải có một cơ sở dữ liệu khách hàng, chứa thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại, email và lịch sử mua hàng của khách hàng. Riêng đối với khách hàng thân thiết, cần phải có thêm một cơ sở dữ liệu để lưu các thông tin tài khoản như: tên tài khoản, mật khẩu, số điểm đã tích luỹ, cấp bậc khách hàng. Tất cả những thông tin này cần phải đảm bảo được bảo mật và tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân.

- Đơn hàng: Trang web cần phải có một cơ sở dữ liệu đơn hàng, chứa thông tin về sản phẩm được đặt mua, giá cả, địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán và trạng thái đơn hàng. Cần phải đảm bảo cập nhật thông tin đơn hàng và lưu trữ các đơn hàng trong một kho dữ liệu để tiện quản lý.

- Quảng cáo: Trang web cần phải có một cơ sở dữ liệu quảng cáo, chứa thông tin về các chiến dịch quảng cáo, số lần hiển thị quảng cáo và số lần người dùng nhấp vào quảng cáo. Cần phải đảm bảo cập nhật thông tin quảng cáo và theo dõi hiệu quả của các chiến dịch quảng cáo.

Type: Section

# Xác minh (Verification)

[SRS-25]

## Đăng kí

### Đăng kí thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DK-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng kí thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể đăng kí tài khoản thành công hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng kí” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng kí tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, gồm có: tên tài khoản, mật khẩu, số điện thoại, email | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên đăng nhập: test01  Mật khẩu: 123  Số điện thoại: 0908540175  Email: test01@gmail.com | Thông tin đăng kí có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập (ngoại trừ mật khẩu) có trùng với bất kì tài khoản nào không | Hệ thống kiểm tra thông tin đăng kí đầy đủ, hợp lệ | Pass |  | | 4 | Gửi mã xác thực |  | Hệ thống gửi thành công mã xác thực về số điện thoại đăng kí của người dùng | Số điện thoại đăng kí tài khoản nhận được tin nhắn chứa mã xác thực tài khoản | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập mã xác thực |  | Mã xác thực có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Người dùng chọn “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra mã xác thực người dùng nhập vào khớp với mã xác thực được gửi về tin nhắn | Hệ thống kiểm tra mã xác thực khớp với tin nhắn được gửi về | Pass |  | | 7 | Thông báo trạng thái đăng kí cho người dùng |  | Hệ thống xuất hiện thông báo cho người dùng | Hiển thị thông báo: “Đăng kí thành công” | Pass |  | | 8 | Lưu trữ tài khoản đăng kí |  | Tài khoản mới của người dùng đăng kí được lưu trữ vào cơ sở dữ liệu và là tài khoản hợp lệ dùng để đăng nhập vào hệ thống | Như mong đợi | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Trả về giao diện đăng nhập |

### Đăng kí thất bại (tài khoản đã tồn tại)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DK-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng kí tài khoản hệ thống thất bại do tài khoản đã tồn tại trên hệ thống |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có phát hiện được tài khoản đã tồn tại không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng kí” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng kí tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu, số điện thoại, email | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên đăng nhập: test02  Mật khẩu: 123  Số điện thoại: 0905678123  Email: test02@gmail.com | Thông tin đăng kí có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập (ngoại trừ mật khẩu) có đầy đủ hay trùng với bất kì tài khoản nào không | Hệ thống kiểm tra thấy tên tài khoản đã tồn tại trên hệ thống và báo đỏ tại ô tên đăng nhập | Pass |  | | 7 | Thông báo trạng thái đăng kí cho người dùng |  | Sau khi kiểm tra thông tin được nhập vào, hệ thống xuất hiện thông báo cho người dùng biết đã đăng kí thất bại | Hiển thị thông báo: “Đăng kí thất bại, tài khoản đã tồn tại” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống phát hiện được tài khoản đã tồn tại, trả về trang đăng kí để người dùng thực hiện đăng kí lại |

### Đăng kí thất bại (nhập thiếu thông tin)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DK-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng kí thất bại (do nhập thiếu thông tin) |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có phát hiện dữ liệu đăng kí nhập thiếu một hoặc nhiều ô trống thông tin hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng kí” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng kí tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu, số điện thoại, email | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên đăng nhập: test01  Mật khẩu: (để trống)  Số điện thoại: 0908540175  Email: test01@gmail.com | Thông tin đăng kí có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập có đầy đủ hay trùng với bất kì tài khoản nào không | Hệ thống kiểm tra thấy ô mật khẩu chưa được nhập vào và báo đỏ tại ô mật khẩu | Pass |  | | 7 | Thông báo trạng thái đăng kí cho người dùng |  | Sau khi kiểm tra thông tin được nhập vào, hệ thống xuất hiện thông báo cho người dùng biết đã đăng kí thất bại | Hiển thị thông báo: “Đăng kí thất bại, vui lòng nhập đầy đủ thông tin” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống phát hiện được dữ liệu đăng kí bị nhập thiếu, trả về trang đăng kí để người dùng thực hiện đăng kí lại |

### Nhập sai mã xác thực

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DK-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng kí tài khoản nếu nhập sai mã xác thực |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có phát hiện được người dùng nhập sai mã xác thực hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng kí” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng kí tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu, số điện thoại, email | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên đăng nhập: test02  Mật khẩu: 123  Số điện thoại: 0908540175  Email: test01@gmail.com | Thông tin đăng kí có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập (ngoại trừ mật khẩu) có trùng với bất kì tài khoản nào không | Hệ thống kiểm tra thông tin đăng kí đầy đủ, hợp lệ | Pass |  | | 4 | Gửi mã xác thực | 0123 | Hệ thống gửi thành công mã xác thực về số điện thoại đăng kí của người dùng | Số điện thoại đăng kí tài khoản nhận được tin nhắn chứa mã xác thực tài khoản | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập mã xác thực | 0124 | Mã xác thực có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Người dùng nhấn vào nút “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra mã xác thực người dùng nhập vào không khớp với mã xác thực được gửi về tin nhắn | Như mong đợi | Pass |  | | 7 | Thông báo trạng thái đăng kí cho người dùng |  | Sau khi kiểm tra mã xác thực bị sai, hệ thống hiển thị dòng trạng thái lỗi cho người dùng | Hiển thị thông báo: “Đăng kí thất bại, bạn đã nhập sai mã xác thực, vui lòng nhập lại” | Pass |  | | 8 | Gửi lại mã xác thực mới | 0153 | Hệ thống gửi thành công mã xác thực về số điện thoại đăng kí của người dùng | Số điện thoại đăng kí tài khoản nhận được tin nhắn chứa mã xác thực tài khoản |  |  | | 9 | Người dùng nhập lại mã xác thực | 0153 | Mã xác thực có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 10 | Người dùng nhấn vào nút “Xác nhận” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra lại mã xác thực người dùng nhập vào khớp với mã xác thực được gửi về tin nhắn | Hệ thống kiểm tra mã xác thực khớp với tin nhắn được gửi về | Pass |  | | 11 | Thông báo trạng thái đăng kí cho người dùng |  | Sau khi lưu trữ tài khoản vào cơ sở dữ liệu, hệ thống xuất hiện thông báo cho người dùng biết đã đăng kí thành công | Hiển thị thông báo: “Đăng kí thành công” | Pass |  | | 12 | Lưu trữ tài khoản đăng kí |  | Tài khoản mới của người dùng đăng kí được lưu trữ vào cơ sở dữ liệu và là tài khoản hợp lệ dùng để đăng nhập vào hệ thống | Như mong đợi | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Trả về giao diện đăng nhập |

## Đăng nhập

### Đăng nhập thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DN-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng nhập thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể đăng nhập với tên tài khoản và mật khẩu được cấp hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đang có tên tài khoản và mật khẩu để đăng nhập |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng nhập” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng nhập tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên tài khoản: test01  Mật khẩu: 123 | Thông tin đăng nhập có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Đăng nhập” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập | Hệ thống kiểm tra thấy tên tài khoản và mật khẩu hợp lệ và có tồn tại trên hệ thống | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống đưa người dùng vào trang chủ |

### Đăng nhập thất bại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DN-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đăng nhập thất bại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể đăng nhập vào website nếu tên tài khoản hoặc mật khẩu không có trên hệ thống hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đang có tên tài khoản và mật khẩu để đăng nhập |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng “Đăng nhập” tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống sẵn sàng để người dùng nhập các thông tin để đăng nhập tài khoản | Hiển thị giao diện đăng kí bao gồm các ô trống yêu cầu điền, bao gồm: tên tài khoản, mật khẩu | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập các thông tin vào ô trống | Tên tên khoản: test01  Mật khẩu: 000 | Thông tin đăng nhập có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn “Đăng nhập” |  | Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin người dùng nhập | Hệ thống kiểm tra thấy thông tin tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo đăng nhập thất bại | Thông báo “Nhập sai tài khoản hoặc mật khẩu” được hiển thị | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống đưa người dùng trở lại giao diện đăng nhập để tiến hành đăng nhập lại |

## Tìm kiếm

### Tìm kiếm thành công (nhập nội dung tìm kiếm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TK-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Tìm kiếm thành công bằng cách nhập từ khoá hoặc sản phẩm muốn tìm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có trả về được danh sách các sản phẩm khớp với kết quả tìm kiếm hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng tìm kiếm tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị con trỏ chuột tại khung tìm kiếm và xuất hiện lịch sử tìm kiếm của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập từ khoá hoặc sản phẩm muốn tìm kiếm | Áo polo thể thao phối màu | Nội dung tìm kiếm có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn biểu tượng tìm kiếm |  | Hệ thống lưu lại lịch sử tìm kiếm của người dùng và kiểm tra nội dung tìm kiếm, so sánh với các sản phẩm hiện có trên hệ thống | Hệ thống lưu lại lịch sử tìm kiếm “Áo polo thể thao phối màu” và tiến hành so sánh nội dung tìm kiếm với các sản phẩm | Pass |  | | 4 | Hiển thị danh sách các sản phẩm có chứa nội dung tìm kiếm |  | Hệ thống hiển thị hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm khớp với nội dung tìm kiếm | Hệ thống hiển thị hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm khớp với “Áo polo thể thao phối màu” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Danh sách các sản phẩm có chứa nội dung tìm kiếm được hiển thị và người dùng có thể thực hiện các chức năng khác |

### Tìm kiếm thành công (bằng lịch sử tìm kiếm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TK-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Tìm kiếm thành công bằng cách chọn lịch sử tìm kiếm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có trả về được danh sách các sản phẩm khớp với lịch sử tìm kiếm hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng tìm kiếm tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị con trỏ chuột tại khung tìm kiếm và xuất hiện lịch sử tìm kiếm của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng nhấp chuột vào một trong các lịch sử tìm kiếm | Nhấp vào: Áo polo thể thao phối màu | Hệ thống kiểm tra nội dung tìm kiếm, so sánh với các sản phẩm hiện có trên hệ thống | Hệ thống tiến hành so sánh nội dung tìm kiếm với các sản phẩm | Pass |  | | 3 | Hiển thị danh sách các sản phẩm có chứa nội dung tìm kiếm |  | Hệ thống hiển thị hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm khớp với nội dung tìm kiếm | Hệ thống hiển thị hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền của các sản phẩm khớp với “Áo polo thể thao phối màu” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Danh sách các sản phẩm có chứa nội dung tìm kiếm được hiển thị và người dùng có thể thực hiện các chức năng khác |

### Tìm kiếm thất bại (không có kết quả khớp)

Tìm kiếm thất bại do không tìm thấy nội dung tìm kiếm (nhập nội dung tìm kiếm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TK-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Tìm kiếm thất bại do không tìm thấy nội dung tìm kiếm (tìm kiếm bằng cách nhập) |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có biết được nội dung tìm kiếm do người dùng nhập vào không khớp với bất kì sản phẩm nào hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng tìm kiếm tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị con trỏ chuột tại khung tìm kiếm và xuất hiện lịch sử tìm kiếm của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập từ khoá hoặc sản phẩm muốn tìm kiếm | Nhóm 6 | Nội dung tìm kiếm có thể được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn biểu tượng tìm kiếm |  | Hệ thống lưu lại lịch sử tìm kiếm của người dùng và kiểm tra nội dung tìm kiếm, so sánh với các sản phẩm hiện có trên hệ thống | Hệ thống lưu lại lịch sử tìm kiếm “Nhóm 6” và tiến hành so sánh nội dung tìm kiếm với các sản phẩm | Pass |  | | 4 | Hiển thị trạng thái tìm kiếm thất bại |  | Hệ thống hiển thị dòng thông báo lỗi tìm kiếm | Xuất hiện dòng thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống đưa người dùng về ô nhập nội dung tìm kiếm để tìm kiếm lại |

Tìm kiếm thất bại do không tìm thấy nội dung tìm kiếm (bằng lịch sử tìm kiếm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TK-04 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Tìm kiếm thất bại do không tìm thấy nội dung tìm kiếm (tìm kiếm bằng lịch sử tìm kiếm) |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có biết được nội dung tìm kiếm do người dùng chọn vào lịch sử tìm kiếm không khớp với bất kì sản phẩm nào hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng tìm kiếm tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị con trỏ chuột tại khung tìm kiếm và xuất hiện lịch sử tìm kiếm của người dùng | | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng nhấp chuột vào một trong các lịch sử tìm kiếm | Nhấp vào: Nhóm 6 | Hệ thống kiểm tra nội dung tìm kiếm, so sánh với các sản phẩm hiện có trên hệ thống | | Hệ thống tiến hành so sánh nội dung tìm kiếm với các sản phẩm | Pass |  | | 3 | Hiển thị trạng thái tìm kiếm thất bại |  | Hệ thống hiển thị dòng thông báo lỗi tìm kiếm | Xuất hiện dòng thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” | | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống đưa người dùng về chức năng tìm kiếm để tìm kiếm lại |

## Lọc sản phẩm

### Lọc sản phẩm (có sản phẩm khớp với tiêu chí lọc)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-LSP-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Lọc sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có xuất hiện được danh sách các sản phẩm khớp với tiêu chí lọc hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng lọc tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị được các tiêu chí dùng để lọc sản phẩm | Hệ thống hiển thị các tiêu chỉ lọc, bao gồm: Loại sản phẩm:  - Áo:  + Áo thun  + Áo polo  + Sơ mi  + Áo khoác  + …  - Quần:  + Quần jean  + Quần short  + Quần kaki  + …  Màu sắc:  - Đen  - Đỏ  - Xanh  - …  Khoảng giá:  - <100.000  - 100.000 – 200.000  - 300.000 – 400.000  - >400.000  Chất liệu:  - Kaki  - Thun lạnh  - Lụa  - … | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn vào một hoặc nhiều tiêu chí lọc | Loại sản phẩm: áo thun  Màu sắc: trắng | Hệ thống đánh dấu các tiêu chí người dùng chọn lọc | Hệ thống xuất hiện dấu tích vào tiêu chí áo thun, màu trắng | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn “Lọc” |  | Hệ thống kiểm tra tiêu chí sản phẩm người dùng cần lọc | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Xuất hiện danh sách các sản phẩm khớp với tiêu chí lọc |  | Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm khớp với tiêu chí lọc | Xuất hiện danh sách các sản phẩm khớp với tiêu chí áo thun, có màu trắng | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hiển thị danh sách tất cả các sản phẩm khớp với tiêu chí lọc và người dùng có thể thực hiện các chức năng khác |

### Lọc sản phẩm (không có sản phẩm khớp với tiêu chí lọc)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-LSP-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Lọc sản phẩm (không có sản phẩm khớp tiêu chí) |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem hệ thống có lọc được sản phẩm nếu tiêu chí lọc không khớp với bất kì sản phẩm nào không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng lọc tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị được các tiêu chí dùng để lọc sản phẩm | Hệ thống hiển thị các tiêu chỉ lọc, bao gồm: Loại sản phẩm:  - Áo:  + Áo thun  + Áo polo  + Sơ mi  + Áo khoác  + …  - Quần:  + Quần jean  + Quần short  + …  Màu sắc:  - Đen  - Đỏ  - Xanh  - …  Khoảng giá:  - <100.000  - 100.000 – 200.000  - 300.000 – 400.000  - >400.000  Chất liệu:  - Kaki  - Thun lạnh  - Lụa  - … | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn vào một hoặc nhiều tiêu chí lọc | Loại sản phẩm: quần jean  Chất liệu: thun lạnh | Hệ thống đánh dấu các tiêu chí người dùng chọn lọc | Hệ thống xuất hiện dấu tích vào tiêu chí quần jean, thun lạnh | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn “Lọc” |  | Hệ thống kiểm tra tiêu chí sản phẩm người dùng cần lọc | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Hiển thị trạng thái lọc sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị dòng thông báo | Xuất hiện dòng thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về chức năng lọc cho người dùng chọn lại |

### Lọc sản phẩm thất bại do người dùng chọn huỷ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-LSP-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Lọc sản phẩm thất bại do người dùng chọn “Huỷ” |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem khi người dùng chọn huỷ thì hệ thống có trả người dùng về trang chủ hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng lọc tại giao diện trang chủ |  | Hệ thống hiển thị được các tiêu chí dùng để lọc sản phẩm | Hệ thống hiển thị các tiêu chỉ lọc, bao gồm: Loại sản phẩm:  - Áo:  + Áo thun  + Áo polo  + Sơ mi  + Áo khoác  + …  - Quần:  + Quần jean  + Quần short  + …  Màu sắc:  - Đen  - Đỏ  - Xanh  - …  Khoảng giá:  - <100.000  - 100.000 – 200.000  - 300.000 – 400.000  - >400.000  Chất liệu:  - Kaki  - Thun lạnh  - Lụa  - … | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn vào một hoặc nhiều tiêu chí lọc | Loại sản phẩm: quần short  Chất liệu: thun lạnh | Hệ thống đánh dấu các tiêu chí người dùng chọn lọc | Hệ thống xuất hiện dấu tích vào tiêu chí quần short, thun lạnh | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn “Huỷ” |  | Hệ thống trả người dùng về trang chủ website | Như mong đợi |  |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Người dùng có thể thực hiện lại chức năng lọc sản phẩm hoặc các chức năng khác |

## Xem thông tin sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-XTTSP-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xem thông tin sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem khi người dùng chọn xem thông tin sản phẩm hệ thống có hiển thị được hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào trang chủ website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn vào một sản phẩm bất kì muốn xem thông tin | Chọn vào sản phẩm: Áo Polo Nữ Cafe Dáng Suông Chống Tia UV | Hệ thống hiển thị giao diện thông tin sản phẩm | Hệ thống hiển thị các thông tin cụ thể của sản phẩm Áo Polo Nữ Cafe Dáng Suông Chống Tia UV như: hình ảnh, giá cả, mô tả sản phẩm, đánh giá, thêm vào giỏ hàng | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn vào xem thêm đánh giá |  | Hệ thống hiển thị tất cả các nhận xét và số sao đánh giá | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn vào một sao đánh giá bất kì | 4 sao | Hệ thống hiển thị tất cả các nhận xét có số sao đánh giá tương ứng | Hệ thống hiển thị tất cả các nhận xét có số sao đánh giá là 4 sao | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hiển thị giao diện xem thông tin sản phẩm |

## Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TSPVGH-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn sản phẩm muốn thêm |  | Hệ thống hiển thị hình ảnh, thông tin sản phẩm | Hình ảnh và thông tin sản phẩm bao gồm: màu sắc, số lượng, size hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn size, màu sắc, số lượng |  | Hệ thống hiển thị tổng giá tiền của sản phẩm | Hiển thị giá trị sản phẩm dự kiến | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn chức năng “Thêm vào giỏ hàng” |  | Hệ thống hiển thị thông báo “Thêm vào giỏ hàng thành công” | Như mong đợi | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Số lượng và giá trị sản phẩm trong giỏ hàng được cập nhật, khách hàng có thể tiếp tục mua sắm hoặc thanh toán. |

## Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-XSPTGH-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể xóa các sản phẩm trong giỏ hàng và có thể quản lý sản phẩm trong giỏ hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng truy cập vào giỏ hàng |  | Hệ thống hiển thị giỏ hàng của người dùng | Giỏ hàng của người dùng được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn sản phẩm muốn xóa và chọn chức năng “Xóa” hoặc “Xóa tất cả” |  | Hệ thống kiểm tra giỏ hàng và hiển thị yêu cầu “Xác nhận” để người dùng xác nhận xóa sản phẩm | Hiển thị yêu cầu “Xác nhận” | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn “Xác nhận” |  | - Hiển thị thông báo “Xóa thành công”  -Hệ thống cập nhật giỏ hàng và thùng rác . | -Thông báo “Xóa thành công”, sản phẩm đã xóa được đẩy vào thùng rác.  -Hiển thị giỏ hàng của người dùng sau khi xóa | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Giỏ hàng không chứa thông tin sản phẩm đã xóa |

## Khôi phục sản phẩm sau khi xoá

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-KPSPSKX-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Khôi phục sản phẩm sau khi xóa |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể khôi phục sản phẩm sau khi đã xóa hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng truy cập vào thùng rác |  | Hệ thống hiển thị các sản phẩm hiện có trong thùng rác | Các sản phẩm có trong thùng rác được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn sản phẩm muốn khôi phục và chọn chức năng “Khôi phục” |  | Hệ thống khôi phục sản phẩm đã được chọn về giỏ hàng | Sản phẩm được khôi phục về giỏ hàng | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Trả lại màn hình thùng rác để người dùng tiếp tục khôi phục |

## Đặt hàng

### Đặt hàng thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-ĐH-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đặt hàng thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể đặt sản phẩm muốn mua hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng truy cập vào giỏ hàng |  | Hệ thống hiển thị giỏ hàng của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn các sản phẩm muốn mua và chọn chức năng “Đặt hàng” |  | Hệ thống hiển thị đơn hàng đã đặt và yêu cầu nhập thông tin giao hàng | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập các thông tin giao hàng được yêu cầu |  | Hệ thống hiển thị yêu cầu “Xác nhận” và “Hủy” | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn “Xác nhận” |  | Hệ thống xác nhận và gửi lại thông tin đơn hàng để người dùng theo dõi | Hiển thị thông tin đơn hàng của người dùng | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Người dùng nhận được hàng đã đặt trong khoảng thời gian nhất định |

### Đặt hàng thất bại (huỷ xác nhận đặt hàng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HXNDH-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy xác nhận đặt hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận đặt hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng truy cập vào giỏ hàng |  | Hệ thống hiển thị giỏ hàng của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn các sản phẩm muốn mua và chọn chức năng “Đặt hàng” |  | Hệ thống hiển thị đơn hàng đã đặt và yêu cầu nhập thông tin giao hàng | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập các thông tin giao hàng được yêu cầu |  | Hệ thống hiển thị yêu cầu “Xác nhận” và “Hủy” | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn “Hủy” |  | Hệ thống quay lại giỏ hàng của người dùng | Như mong đợi | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Đơn đặt hàng của người dùng được hủy |

## Thanh toán

### Thanh toán thành công

Thanh toán online thành công (tài khoản ngân hàng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thanh toán online |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể thanh toán đơn hàng online hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Sau khi xác nhận đặt hàng, người dùng chọn chức năng “Thanh toán” |  | Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng | Hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng đã đặt | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn phương thức thanh toán online |  | Hệ thống gửi thông tin giá trị đơn hàng và yêu cầu người dùng nhập các thông tin thanh toán | Hiển thị yêu cầu nhập các thông tin thanh toán | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập các thông tin thanh toán |  | Hệ thống kiểm tra và thông báo tính hợp lệ của thông tin đã được nhập | Hiển thị thông báo “Thông tin hợp lệ” | Pass |  | | 4 | Người dùng thanh toán đơn hàng |  | Hệ thống xác nhận và gửi thông báo xác nhận thanh toán cho người dùng | Gửi thông báo xác nhận qua số điện thoại | Pass |  | | 5 | Người dùng xác nhận thanh toán đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị thông báo đặt hàng thành công và gửi thông tin đơn hàng đã thanh toán cho người dùng | - Hiển thị thông báo “Đặt hàng thành công”  - Hiển thị thông tin đơn hàng đã thanh toán | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay về trang chủ của website |

Thanh toán khi nhận hàng thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thanh toán sau khi nhận hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể lựa chọn phương thức thanh toán sau khi nhận hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Sau khi xác nhận đặt hàng, người dùng chọn chức năng “Thanh toán” |  | Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng | Hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng đã đặt | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn phương thức “Thanh toán sau khi nhận hàng” |  | Hệ thống xác nhận phương thức thanh toán  Hệ thống quay lại giao diện đặt hàng | -Hệ thống xác nhận phương thức “Thanh toán sau khi nhận hàng”  -Hệ thống quay lại giao diện đặt hàng để người dùng tiếp tục đặt hàng | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn các ưu đãi được áp dụng cho đơn hàng (nếu có) |  | Hệ thống hiển thị lại giá tiền sau khi áp dụng các ưu đãi | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng xác nhận đặt hàng |  | Hệ thống hiển thị thông báo đặt hàng thành công với tình trạng “Đã đặt” | Hiển thị thông báo “Đặt hàng thành công” với tình trạng “Đã đặt” |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay lại trang chủ của website |

### Thanh toán thất bại

Thanh toán online thất bại (huỷ xác nhận thanh toán)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thanh toán online thất bại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy thanh toán đơn hàng online hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Sau khi xác nhận đặt hàng, người dùng chọn chức năng “Thanh toán” |  | Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng | Hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng đã đặt | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn phương thức thanh toán online |  | Hệ thống gửi thông tin giá trị đơn hàng và yêu cầu người dùng nhập các thông tin thanh toán | Hiển thị yêu cầu nhập các thông tin thanh toán | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập các thông tin thanh toán |  | Hệ thống kiểm tra và thông báo tính hợp lệ của thông tin đã được nhập | Hiển thị thông báo “Thông tin hợp lệ” | Pass |  | | 4 | Người dùng thanh toán đơn hàng |  | Hệ thống xác nhận và gửi thông báo xác nhận thanh toán cho người dùng | Gửi thông báo xác nhận qua số điện thoại | Pass |  | | 5 | Người dùng hủy xác nhận thanh toán đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị thông báo đặt hàng thất bại | - Hiển thị thông báo “Đặt hàng thất bại” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay về giỏ hàng của người dùng |

Thanh toán khi nhận hàng thất bại (huỷ xác nhận thanh toán)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-04 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy xác nhận thanh toán “Thanh toán sau khi nhận hàng” |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy phương thức thanh toán sau khi nhận hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đăng nhập thành công |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Sau khi xác nhận đặt hàng, người dùng chọn chức năng “Thanh toán” |  | Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng | Hiển thị các phương thức thanh toán đơn hàng đã đặt | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn phương thức “Thanh toán sau khi nhận hàng” |  | Hệ thống xác nhận phương thức thanh toán  Hệ thống quay lại giao diện đặt hàng | -Hệ thống xác nhận phương thức “Thanh toán sau khi nhận hàng”  -Hệ thống quay lại giao diện đặt hàng để người dùng tiếp tục đặt hàng | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn các ưu đãi được áp dụng cho đơn hàng (nếu có) |  | Hệ thống hiển thị lại giá tiền sau khi áp dụng các ưu đãi | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng hủy xác nhận đặt hàng |  | Hệ thống hiển thị thông báo đặt hàng thất bại | Hiển thị thông báo “Đặt hàng thất bại” |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay lại giỏ hàng của người dùng |

### Hoàn tiền (liên kết với chức năng huỷ mua hàng và trả hàng hoá)

Hoàn tiền thành công (Liên kết với chức năng “Hủy đơn hàng”)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-05 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hoàn tiền |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể được hoàn tiền sau khi hủy đơn hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đã được quản trị viên xác nhận yêu cầu hủy đơn hàng |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Nhận được yêu cầu hoàn tiền |  | Hệ thống kiểm tra phương thức thanh toán của người dùng | Hệ thống kiểm tra được phương thức thanh toán của người dùng là thanh toán online | Pass |  | | 2 | Hoàn tiền về tài khoản đã thanh toán |  | Hệ thống tiến hành hoàn lại số tiền đã thanh toán | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Hoàn tất quá trình hoàn tiền cho người dùng |  | Hệ thống thông báo đến người dùng | Hiển thị thông báo đến người dùng “Đã hoàn tiền” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hoàn tiền thành công |

Hoàn tiền thành công (Liên kết với chức năng “Đổi trả hàng hóa”)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-06 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hoàn tiền |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể được hoàn tiền sau khi trả hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đã được quản trị viên xác nhận yêu cầu trả hàng |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Nhận yêu cầu hoàn tiền |  | Hệ thống kiểm tra tài khoản người dùng muốn hoàn tiền | Xác nhận tài khoản ngân hàng hợp lệ | Pass |  | | 2 | Hoàn tiền về tài khoản ngân hàng |  | Hệ thống tiến hành hoàn tiền về tài khoản ngân hàng | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Hoàn tất quá trình hoàn tiền |  | Hệ thống hoàn tất quá trình hoàn tiền | Hiển thị thông báo đến người dùng “Đã hoàn tiền” | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hoàn tiền thành công |

Hoàn tiền thất bại (Liên kết với chức năng “Đổi trả hàng hóa”)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TT-07 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hoàn tiền thất bại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem nếu người dùng nhập sai số tài khoản hoàn tiền thì hệ thống có hoàn tiền thất bại hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Đã được quản trị viên xác nhận yêu cầu trả hàng |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Nhận yêu cầu hoàn tiền |  | Hệ thống kiểm tra tài khoản người dùng muốn hoàn tiền | Không tìm thấy tài khoản ngân hàng | Pass |  | | 2 | Gửi thông báo về quản trị viên |  | Hệ thống tiến hành gửi thông báo cho quản trị viên | Gửi thông báo cho quản trị viên “Hoàn tiền thất bại” với lí do “Không tìm thấy tài khoản ngân hàng” | Pass |  | | 3 | Hoàn tất quá trình hoàn tiền |  | Hệ thống hoàn tất quá trình hoàn tiền | Như mong đợi | Pass |  | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hoàn tiền thất bại |

## Điểm tích luỹ của khách hàng

### Tích điểm khi mua hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TD-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Tích điểm khi mua hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra chức năng tích điểm sau khi mua hàng từ website |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đặt hàng thành công |
| 10 | Bước thực hiện | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn xác nhận đặt đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị số điểm người dùng có thể được cộng sau khi đặt hàng và hệ thống tiến hành cộng điểm | Hệ thống hiển thị thông báo ‘Quý khách đã được cộng …’ và hệ thống tự động cộng điểm tích lũy tương ứng vào tài khoản của người dùng | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống sẽ cập nhật thông tin tích điểm mới, người dùng có thể xem và sử dụng số điểm tích lũy để đổi quà tặng hoặc giảm giá cho các sản phẩm trên website | | | | | | | |

### Sử dụng điểm tích lũy khi mua hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TD-02 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sử dụng điểm tích lũy khi mua hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra người dùng có thể sử dụng điểm tích để quy đổi ưu đãi, giảm giá khi mua hàng từ website hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào trang web |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng sử dụng điểm tích lũy |  | Hệ thống hiển thị giao diện quy đổi điểm tích lũy | Giao diện quy đổi điểm tích lũy (bao gồm các danh sách ưu đãi, giảm giá có thể quy đổi bằng điểm tích lũy hiện có ) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn ưu đãi muốn quy đổi bằng điểm tích lũy |  | Hệ thống hiện thị quy đổi điểm thành công và quay lại trang đặt hàng của người dùng | Hệ thống hiển thị giao diện thông báo’ Quy đổi điểm tích lũy thành công’ và người dùng trở lại trang đặt hàng | Pass |  | | 3 | Người dùng xác nhận đặt đơn hàng đã áp dụng ưu đãi vừa quy đổi bằng điểm tích lũy |  | Hệ thống thông báo trạng thái đặt hàng | Hệ thống thông báo ‘Đặt hàng thành công’ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Sau khi người dùng đặt hàng thành công, hệ thống sẽ cập nhật thông tin tích điểm của người dùng | | | | | | | |

## Huỷ đơn hàng

### Hủy đơn hàng (chưa giao cho đơn vị vận chuyển)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HDH-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy đơn hàng thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra người dùng có thể sử dụng chức năng hủy đơn hàng khi đơn hàng chưa giao cho đơn vị vận chuyển hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | * Khách hàng: có đơn hàng sản phẩm trên website đang được thực hiện * Quản trị: đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng hủy đơn hàng | Giao diện chức năng hủy đơn hàng (gồm lí do hủy đơn hàng, xác nhận và hủy yêu cầu hủy đơn hàng )được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do hủy đơn hàng | Cần thay đổi địa chỉ vận chuyển | Lí do hủy đơn hàng có thể được nhập | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng xác nhận gửi yêu cầu hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị hủy đơn hàng đang chờ xác nhận và gửi yêu cầu hủy đơn cho quản trị viên | Hệ thống gửi yêu cầu thông báo hủy đơn hàng của người dùng cho quản trị viên và hiển thị giao diện thông báo ‘Yêu cầu hủy đơn hàng đã được gửi, đang chờ xác nhận’ | Pass |  | | 4 | Quản trị viên xác nhận yêu cầu hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị hủy đơn hàng thành công | Hệ thống gửi thông báo hủy đơn hàng thành công cho khách hàng và thay đổi trạng thái đơn hàng thành đã hủy | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Người dùng có thể hủy đơn hàng theo mong muốn | | | | | | | |

### Hủy đơn hàng (đã giao cho đơn vị vận chuyển)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HDH-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy đơn hàng không thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra chức năng người dùng hủy sản phẩm đã đặt tại website khi đơn hàng đã giao cho đơn vị vận chuyển |
| 9 | Tiền điều kiện | Khách hàng: có đơn hàng sản phẩm trên website đang được thực hiện |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người hàng chọn chức năng hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện hủy đơn hàng không thành công | Hệ thống hiển thị thông báo ‘Yêu cầu hủy đơn hàng không hợp lệ. Đơn hàng đã được đóng gói hoặc đã được gia cho nhà vận chuyển’ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Người dùng có thể hủy đơn hàng theo mong muốn | | | | | | | |

### Hủy xác nhận yêu cầu hủy đơn hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HDH-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy đơn hàng thất bại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Hủy đơn hàng thất bại do người dùng hủy yêu cầu hủy đơn hàng |
| 9 | Tiền điều kiện | Khách hàng: có đơn hàng sản phẩm trên website đang được thực hiện |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng hủy đơn hàng | Giao diện chức năng hủy đơn hàng (gồm lí do hủy đơn hàng, xác nhận và hủy yêu cầu hủy đơn hàng )được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do hủy đơn hàng | Cần thay đổi địa chỉ vận chuyển | Lí do hủy đơn hàng có thể được nhập | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng hủy yêu cầu hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị hủy đơn hàng không thành công | Hệ thống hiện thị thông báo ‘hủy đơn hàng không thành không’ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay trở lại trang chủ website | | | | | | | |

### Quản trị viên từ chối yêu cầu hủy đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HDH-04 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hủy đơn hàng thất bại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Hủy đơn hàng thất bại do quản trị viên từ chối hủy đơn hàng |
| 9 | Tiền điều kiện | * Khách hàng: có đơn hàng sản phẩm trên website đang được thực hiện * Quản trị: đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng hủy đơn hàng | Giao diện chức năng hủy đơn hàng (gồm lí do hủy đơn hàng, xác nhận và hủy yêu cầu hủy đơn hàng )được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do hủy đơn hàng | Cần thay đổi địa chỉ vận chuyển | Lí do hủy đơn hàng có thể được nhập | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng xác nhận gửi yêu cầu hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị hủy đơn hàng đang chờ xác nhận và gửi yêu cầu hủy đơn cho quản trị viên | Hệ thống gửi yêu cầu thông báo hủy đơn hàng của người dùng cho quản trị viên và hiển thị giao diện thông báo ‘Yêu cầu hủy đơn hàng đã được gửi, đang chờ xác nhận’ | Pass |  | | 4 | Quản trị viên từ chối xác nhận yêu cầu hủy đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị hủy đơn hàng không thành công | Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu nhập lí do không thể hủy đơn hàng cho quản trị viên | Pass |  | | 5 | Quản trị viên nhập lí do từ chối hủy đơn hàng | Đơn hàng được mua trong thời gian ưu đãi, không thể đổi trả | lí do không chấp nhận huỷ đơn hàng được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Quản trị viên xác nhận lí do từ chối hủy đơn hàng |  | hệ thống hiển thị trạng thái huỷ đơn hàng và lí do từ chối cho người dùng | Hệ thống gửi thông báo ‘Hủy đơn hàng không thành công’ và lí do từ chối hủy đơn hàng từ quản trị viên cho người dùng | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Khách hàng bị từ chối yêu cầu hủy đơn hàng | | | | | | | |

## Đổi trả hàng hoá

### Đổi trả thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DTHH-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đổi trả hàng hóa thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra chức năng đổi trả hàng hóa khi sản phẩm được nhận không phù hợp hoặc có vấn đề về chất lượng |
| 9 | Tiền điều kiện | * Khách hàng:người dùng đã mua sản phẩm từ website và đã nhận được hàng * Quản trị viên: đăng nhập thành công bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dung chọn chức năng đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng đổi trả hàng hóa | Giao diện chức năng đổi trả hàng hóa( gồm lí do đổi trả, hình ảnh minh họa, hình thức đổi trả) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do đổi trả | Nhầm size áo, mẫu x, size:y | Lí do đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập hình ảnh đổi trả | Hình ảnh mẫu x, size y | Hình ảnh đổi trả được tải lên | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hình thức đổi trả |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập hình thức đổi trả | Giao diện nhập hình thức đổi trả gồm:đổi sản phẩm(yêu cầu nhập mẫu,size),đổi trả sản phẩm nhận bằng chuyển khoản(yêu cầu ngân hàng, stk, họ tên người thụ hưởng) | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập hình thức đổi trả | Hình thức chuyển khoản(NH:Sacobank chi nhánh Bình Định, stk:0475648xxx, tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn xxx) | Hình thức đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Người dùng xác nhận yêu cầu đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện đổi trả hàng hóa đang chờ xét duyệt | Hệ thống hiển thị thông báo’ Đã gửi yêu cầu đổi trả đang chờ xét duyệt’ và thực hiện gửi yêu cầu đổi trả hàng hóa cho quản trị viên | Pass |  | | 7 | Quản trị viên xác nhận đồng ý yêu cầu đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện đổi trả hàng hóa thành công | Hệ thống gửi thông báo cho người dùng ‘Yêu cầu đổi trả hàng hóa thành công’ và thực hiện đổi trả theo hình thức đổi trả của người dùng đã chọn | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Khách hàng được chấp nhận yêu cầu đổi trả khi sản phẩm bị lỗi hoặc trục trặc | | | | | | | |

### Hủy xác nhận yêu cầu đổi trả hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DTHH-0 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Mạnh |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đổi trả hàng hóa không thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Đổi trả hàng hóa không thành công do người dùng hủy yêu cầu đổi trả hàng hóa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã mua sản phẩm từ website và đã nhận được hàng |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dung chọn chức năng đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng đổi trả hàng hóa | Giao diện chức năng đổi trả hàng hóa( gồm lí do đổi trả, hình ảnh minh họa, hình thức đổi trả) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do đổi trả | Nhầm size áo, mẫu x, size:y | Lí do đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập hình ảnh đổi trả | Hình ảnh mẫu x, size y | Hình ảnh đổi trả được tải lên | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hình thức đổi trả |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập hình thức đổi trả | Giao diện nhập hình thức đổi trả gồm:đổi sản phẩm(yêu cầu nhập mẫu,size),đổi trả sản phẩm nhận bằng chuyển khoản(yêu cầu ngân hàng, stk, họ tên người thụ hưởng) | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập hình thức đổi trả | Hình thức chuyển khoản(NH:Sacobank chi nhánh Bình Định, stk:0475648xxx, tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn xxx) | Hình thức đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Người dùng hủy yêu cầu đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện đổi trả hàng hóa không thành công | Hệ thống hiển thị thông báo ‘ Yêu cầu đổi trả được hủy bỏ’ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trả khách hàng về lại trang chủ website để sử dụng các chức năng khác | | | | | | | |

### Quản trị viên từ chối yêu cầu đổi trả hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-DTHH-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Đổi trả không thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Đổi trả không thành công do quản trị viên không xác nhận yêu cầu đổi trả hàng hóa |
| 9 | Tiền điều kiện | * Khách hàng:người dùng đã mua sản phẩm từ website và đã nhận được hàng * Quản trị viên: đăng nhập thành công bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dung chọn chức năng đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng đổi trả hàng hóa | Giao diện chức năng đổi trả hàng hóa( gồm lí do đổi trả, hình ảnh minh họa, hình thức đổi trả) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập lí do đổi trả | Nhầm size áo, mẫu x, size:y | Lí do đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập hình ảnh đổi trả | Hình ảnh mẫu x, size y | Hình ảnh đổi trả được tải lên | Như mong đợi | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hình thức đổi trả |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập hình thức đổi trả | Giao diện nhập hình thức đổi trả gồm:đổi sản phẩm(yêu cầu nhập mẫu,size),đổi trả sản phẩm nhận bằng chuyển khoản(yêu cầu ngân hàng, stk, họ tên người thụ hưởng) | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập hình thức đổi trả | Hình thức chuyển khoản(NH:Sacobank chi nhánh Bình Định, stk:0475648xxx, tên người thụ hưởng: Nguyễn Văn xxx) | Hình thức đổi trả được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Người dùng xác nhận yêu cầu đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện đổi trả hàng hóa đang chờ xét duyệt | Hệ thống hiển thị thông báo’ Đã gửi yêu cầu đổi trả đang chờ xét duyệt’ và thực hiện gửi yêu cầu đổi trả hàng hóa cho quản trị viên | Pass |  | | 7 | Quản trị viên xác nhận không đồng ý yêu cầu đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị giao diện lí do không đồng ý đổi trả | Hệ thống hiển thị giao diện nhập lí do không đồng ý đổi trả cho quản trị viên | Pass |  | | 8 | Quản trị viên nhập lí do từ chối đổi trả hàng hóa | Hàng được mua trong khung giờ sale, không áp dụng đổi trả | Lí do từ chối đổi trả hàng hóa được nhập vào | Như mong đợi | Pass |  | | 9 | Quản trị viên xác nhận lí do từ chối đổi trả hàng hóa |  | Hệ thống hiển thị trạng thái đổi trả hàng hóa và lí do từ chối cho người dùng | Hệ thống gửi thông báo ‘Đôi trả hàng hóa không thành công’ và lí do từ chối đổi trả hàng hóa từ quản trị viên cho người dùng | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Khách hàng bị từ chối yêu cầu đổi trả hàng hóa | | | | | | | |

## Hỗ trợ khách hàng

### Chat trực tiếp với nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HTKH-01 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Chưc năng chat với nhân viên |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra chức năng hỗ trợ khách hàng chat trực tiếp với nhân viên trong giờ hành chính |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng hỗ trợ khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng hỗ trợ khách hàng | Giao diện chức năng hỗ trợ khách hàng(gồm chat với nhân viên chăm sóc khách hàng và gọi điện trực tiếp với nhân viên chăm sóc khách hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chat với nhân viên chăm sóc khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chat với nhân viên chăm sóc khách hàng và kết nối với nhân viên chăm sóc khách hàng của website | Như mong đợi | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Khách hàng và nhân viên được kết nối thông qua khung chat | | | | | | | |

### Gọi trực tiếp với nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HTKH-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Chức năng gọi với nhân viên |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra chức năng hỗ trợ khách hàng gọi với nhân viên |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dung chọn chức năng hộ trợ khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng hỗ trợ khách hàng | Giao diện chức năng hỗ trợ khách hàng(gồm chat với nhân viên chăm sóc khách hàng và gọi điện trực tiếp với nhân viên chăm sóc khách hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn gọi điện trực tiếp với nhân viên chăm sóc khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện gọi điện trực tiếp với nhân viên chăm sóc khách hàng và kết nối với nhân viên chăm sóc khách hàng của website | Như mong đợi | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Khách hàng và nhân viên được kết nối thông qua gọi điện trực tiếp | | | | | | | |

### Hỗ trợ khách hàng ngoài giờ hành chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-HTKH-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Mạnh |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Hỗ trợ khách hàng không thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Chức năng hỗ trợ khách hàng không thành công do liên lạc ngoài giờ hành chính |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng truy cập thành công vào website |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng hỗ trợ khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng không hỗ trợ | Hệ thống hiển thị thông báo ‘ Chức năng hiện không hỗ trợ. Vui lòng liên hệ trong giờ hành chính’ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống quay về trang chủ website để người dùng sử dụng các chức năng khác | | | | | | | |

## Quản lý sản phẩm

### Thêm sản phẩm

Thêm sản phẩm thành công

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | | TC-QLSP-01 | |
| 2 | Mức độ | | High | |
| 3 | Người thiết kế test case | | Nhóm 6 | |
| 4 | Ngày thiết kế test case | | 19 Apr 2023 | |
| 5 | Người thực hiện test case | | Trần Lê Phương Trân | |
| 6 | Ngày thực hiện test case | | 20 Apr 2023 | |
| 7 | Tên test case | | Thêm sản phẩm thành công | |
| 8 | Mô tả chi tiết | | Kiểm tra xem sản phẩm đã được thêm vào thành công hay chưa | |
| 9 | Tiền điều kiện | | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị | |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | | (xem bảng bên dưới) | |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm sản phẩm | Giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01  Tên sản phẩm: Áo thun trắng  Giá:100.000 đồng  Hình ảnh: “Hình ảnh cái áo thun màu trắng”  Số lượng tồn kho: 200 cái  Mô tả: “Để trống” | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn xác nhận |  | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm chưa có trên website thì sản phẩm được thêm vào website | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm chưa có trên website  Hệ thống tiến hành thêm sản phẩm vào website | Pass |  | | 5 | Thông báo |  | Hệ thống đưa ra thông báo thành công | Hệ thống hiển thị thông báo “Đã thêm sản phẩm thành công” | Pass |  | | | | | |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm sản phẩm” để người quản trị có thể thêm sản phẩm tiếp theo | |

Thêm sản phẩm thất bại do trùng mã

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-02 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm sản phẩm thất bại do trùng mã |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem nếu sản phẩm trùng mã thì sản phẩm có được thêm vào website hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả | Giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01  Tên sản phẩm: Áo thun trắng  Giá:100.000 đồng  Hình ảnh: “Hình ảnh cái áo thun màu trắng”  Số lượng tồn kho: 200 cái  Mô tả: “Để trống” | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn xác nhận |  | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm chưa có trên website thì sản phẩm được thêm vào website | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm AT01 đã tồn tại trên website  Hệ thống không cho thêm sản phẩm này | Pass |  | | 5 | Thông báo |  | Hệ thông hiển thị thông báo thất bại | Hệ thống hiển thị “Không thể thêm sản phẩm AT01 vào website do trùng mã sản phẩm” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm sản phẩm” để người quản trị có thể thêm sản phẩm tiếp theo |

Thêm sản phẩm thành thất bại do người dùng ấn hủy xác nhận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-03 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm sản phẩm thất bại do người dùng ấn hủy xác nhận |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem nếu người dùng ấn hủy xác nhận thì sản phẩm có được thêm vào website hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả | Giao diện thêm sản phẩm bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, hình ảnh, số lượng tồn kho, mô tả được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01  Tên sản phẩm: Áo thun trắng  Giá:100.000 đồng  Hình ảnh: “Hình ảnh cái áo thun màu trắng”  Số lượng tồn kho: 200 cái  Mô tả: “Để trống” | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Hủy |  | Hệ thống đưa ra thông báo thêm thất bại | Hệ thống đưa ra thông báo “Sản phẩm được thêm thất bại do hủy xác nhận” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm sản phẩm” để người quản trị có thể thêm sản phẩm tiếp theo |

### Sửa sản phẩm

Sửa sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-04 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm đã được sửa trên website thành công hay chưa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm kèm nút “Sửa” | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Sửa |  | Hệ thống hiển thị giao diện sửa sản phẩm | Giao diện sửa sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập thông tin sửa | Mã sản phẩm: AT01  Tên sản phẩm: Áo thun trắng  Giá:120.000 đồng  Hình ảnh: “Hình ảnh cái áo thun màu trắng”  Số lượng tồn kho: 200 cái  Mô tả: “Để trống” | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận sửa sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận sửa sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy được hiển thị | Pass |  | | 6 | Người dùng ấn xác nhận |  | Hệ thống cập nhật lại thông tin cho sản phẩm và hiển thị thông báo thành công | Hệ thống cập nhật thông tin sản phẩm AT01 thành công và thông báo “Cập nhật thành công” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Sửa sản phẩm” để người quản trị có thể sửa sản phẩm tiếp theo |

Sửa sản phẩm thất bại do không tìm thấy mã sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-05 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa sản phẩm thất bại do không tìm thấy mã sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm có được sửa trên website hay không khi nhập sai mã sản phẩm |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT02 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm chưa tồn tại trên website | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo thất bại | Hệ thống hiển thị thông báo “Sản phẩm có mã AT02 không tồn tại” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Sửa sản phẩm” để người quản trị có thể sửa sản phẩm tiếp theo |

Sửa sản phẩm thất bại do người dùng ấn hủy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-06 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa sản phẩm thất bại do người dùng ấn hủy |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm có được sửa trên website hay không khi người dùng ấn hủy |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm kèm nút “Sửa” | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Sửa |  | Hệ thống hiển thị giao diện sửa sản phẩm | Giao diện sửa sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập thông tin sửa | Mã sản phẩm: AT01  Tên sản phẩm: Áo thun trắng  Giá:120.000 đồng  Hình ảnh: “Hình ảnh cái áo thun màu trắng”  Số lượng tồn kho: 200 cái  Mô tả: “Để trống” | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận sửa sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận sửa sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy được hiển thị | Pass |  | | 6 | Người dùng ấn Hủy |  | Hệ thống hiển thị thông báo | Thông báo “Sửa sản phẩm thất bại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Sửa sản phẩm” để người quản trị có thể sửa sản phẩm tiếp theo |

### Xoá sản phẩm

Xóa sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-07 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xóa sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm đã được xóa trên website thành công hay chưa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm | Pass |  | | 4 | Xác nhận |  | Hệ thống hiển thị bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. | Giao diện bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác” được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng ấn Xác nhận |  | Hệ thống tiến hành xóa sản phẩm ra khỏi website | Như mong đợi | Pass |  | | 6 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo thành công | Thông báo “Xóa sản phẩm có mã AT01 thành công” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Xóa sản phẩm” để người quản trị có thể xóa sản phẩm tiếp theo |

Xóa sản phẩm thất bại do không tìm thấy mã sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-08 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xoá sản phẩm thất bại do không tìm thấy mã sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm có được xóa trên website hay không khi nhập sai mã sản phẩm |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT02 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm chưa tồn tại trên website | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo xóa thất bại | Hệ thống hiển thị “Sản phẩm có mã AT02 không tồn tại” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Xóa sản phẩm” để người quản trị có thể xóa sản phẩm tiếp theo |

Xóa sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Dừng thao tác”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSP-09 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xoá sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Dừng thao tác” |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem sản phẩm có được xóa trên website hay không khi người dùng chọn dừng thao tác |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm, nếu mã sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin sản phẩm ứng với mã sản phẩm | Pass |  | | 4 | Xác nhận |  | Hệ thống hiển thị bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. | Giao diện bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa sản phẩm” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác” được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng ấn Dừng thao tác |  | Hệ thống hiển thị thông báo xóa thất bại | Hệ thống hiển thị “Xóa sản phẩm thất bại” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Xóa sản phẩm” để người quản trị có thể xóa sản phẩm tiếp theo |

## Quản lý danh mục sản phẩm

### Thêm danh mục sản phẩm

Thêm danh mục sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm danh mục sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm đã được thêm vào thành công hay chưa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục | Giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin danh mục sản phẩm | Mã danh mục: 01  Tên danh mục: Áo | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn xác nhận |  | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm chưa có trên website thì sản phẩm được thêm vào website | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm chưa có trên website  Danh mục sản phẩm đã được thêm vào website | Pass |  | | 5 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo thành công | Hệ thống hiển thị “Đã thêm danh mục sản phẩm thành công” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể thêm danh mục sản phẩm tiếp theo |

Thêm danh mục sản phẩm thất bại do trùng mã danh mục sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm danh mục sản phẩm thất bại do trùng mã danh mục sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được thêm vào hay không khi người dùng nhập trùng mã danh mục sản phẩm |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục | Giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin danh mục sản phẩm | Mã danh mục: 01  Tên danh mục: Áo | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn xác nhận |  | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm chưa có trên website thì sản phẩm được thêm vào website | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm đã tồn tại trên website  Danh mục sản phẩm chưa được thêm vào website | Pass |  | | 5 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo thất bại | Hệ thống hiển thị “Mã danh mục sản phẩm 01 đã tồn tại” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể thêm danh mục sản phẩm tiếp theo |

Thêm danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Hủy”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thêm danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn Hủy |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được thêm vào hay không khi người dùng ấn Hủy |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Thêm danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục | Giao diện thêm danh mục sản phẩm bao gồm: mã danh mục, tên danh mục được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập thông tin danh mục sản phẩm | Mã danh mục: 01  Tên danh mục: Áo | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận thêm danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận thêm sản phẩm gồm: Xác nhận, Hủy | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Hủy |  | Hệ thống hiển thị thông báo thất bại | Thông báo “Thêm danh mục sản phẩm thất bại” được hiển thị | Pass |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thêm danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể thêm danh mục sản phẩm tiếp theo |

### Sửa danh mục sản phẩm

Sửa danh mục sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-04 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa danh mục sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm đã được sửa trên website thành công hay chưa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã dánh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 01 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm kèm nút “Sửa” | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Sửa |  | Hệ thống hiển thị giao diện sửa danh mục sản phẩm | Giao diện sửa danh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập thông tin sửa | Mã danh mục sản phẩm: 01  Tên danh mục:Quần | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận sửa danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận sửa danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy được hiển thị | Pass |  | | 6 | Người dùng ấn Xác nhận |  | Hệ thống cập nhật lại thông tin cho danh mục sản phẩm | Hệ thống tiến hành cập nhật thông tin danh mục sản phẩm | Pass |  | | 7 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo sửa thành công | Thông báo “Cập nhật thông tin danh mục sản phẩm thành công” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Sửa danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể sửa danh mục sản phẩm tiếp theo |

Sửa danh mục sản phẩm thất bại do mã danh mục không tồn tại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-05 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa danh mục sản phẩm thất bại do mã danh mục không tồn tại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được sửa trên website hay không khi mã danh mục sản phẩm không tồn tại |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã dánh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 02 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm chưa tồn tại trên website | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo sửa thất bại | Thông báo “Sản phẩm có mã danh mục 02 không tồn tại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Tìm kiếm mã danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể nhập tìm mã danh mục sản phẩm khác |

Sửa danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Hủy”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-06 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Sửa danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Hủy” |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được sửa trên website hay không khi người dùng ấn Hủy |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Sửa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã dánh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 01 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm và nút “Sửa” | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm kèm nút “Sửa” | Pass |  | | 4 | Người dùng ấn Sửa |  | Hệ thống hiển thị giao diện sửa danh mục sản phẩm | Giao diện sửa danh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng nhập thông tin sửa | Mã danh mục sản phẩm: 01  Tên danh mục:Quần | Hệ thống hiển thị giao diện bảng xác nhận sửa danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy | Giao diện bảng xác nhận sửa danh mục sản phẩm gồn: Xác nhận, Hủy được hiển thị | Pass |  | | 6 | Người dùng ấn Hủy |  | Hệ thống hiển thị thông báo sửa thất bại | Thông báo “Sửa danh mục sản phẩm thất bại” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Sửa danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể sửa danh mục sản phẩm tiếp theo |

### Xoá danh mục sản phẩm

Xóa danh mục sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-07 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xoá danh mục sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm đã được xóa trên website thành công hay chưa |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 01 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm | Pass |  | | 4 | Xác nhận |  | Hệ thống hiển thị bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa danh mục” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. | Giao diện bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa danh mục” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác” được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng ấn Xác nhận |  | Hệ thống tiến hành xóa danh mục sản phẩm ra khỏi website | Hệ thống tiến hành xóa danh mục sản phẩm có mã 01 | Pass |  | | 6 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo Xóa thành công | Hệ thống hiển thị “Xóa danh mục sản phẩm có mã 01 thành công” | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Xóa danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể xóa danh mục sản phẩm tiếp theo |

Xóa danh mục sản phẩm thất bại do mã danh mục sản phẩm không tồn tại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-08 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xóa danh mục sản phẩm thất bại do mã danh mục sản phẩm không tồn tại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được xóa trên website hay không khi mã danh mục sản phẩm không tồn tại |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 02 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm không tồn tại trên website | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo xóa thất bại | Thông báo “Danh mục sản phẩm có mã 02 không tồn tại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Tìm kiếm mã danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể nhập tìm mã danh mục sản phẩm khác |

Xóa danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn “Dừng thao tác”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDMSP-09 |
| 2 | Mức độ | High |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Xoá danh mục sản phẩm thất bại do người dùng ấn Dừng thao tác |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem danh mục sản phẩm có được xóa trên website hay không khi người dùng ấn dừng tháo tác |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm,Xóa,Sửa danh mục sản phẩm | Giao diện chức năng Quản lý danh mục sản phẩm gồm các mục Thêm, Sửa, Xóa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn mục Xóa danh mục sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm | Giao diện tìm kiếm mã danh mục sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã danh mục sản phẩm | Mã danh mục sản phẩm: 01 | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm, nếu mã danh mục sản phẩm đã có trên website thì hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm | Hệ thống kiểm tra mã danh mục sản phẩm đã có trên website và hiển thị giao diện thông tin danh mục sản phẩm ứng với mã danh mục sản phẩm | Pass |  | | 4 | Xác nhận |  | Hệ thống hiển thị bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa danh mục” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác”. | Giao diện bảng câu hỏi “Bạn có chắc muốn xóa danh mục” và nút “Xác nhận”, nút “Dừng thao tác” được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng ấn Dừng thao tác |  | Hệ thống hiển thị thông báo xóa thất bại | Thông báo “Xóa danh mục sản phẩm thất bại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Xóa danh mục sản phẩm” để người quản trị có thể xóa danh mục sản phẩm tiếp theo |

## Quản lý khách hàng

### Nhập đúng mã khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLKH-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Quản lý khách hàng nhập đúng mã khách hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem có xem được thông tin khách hàng hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã khách hàng | Giao diện tìm kiếm mã khách hàng được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập mã khách hàng | Mã khách hàng: 21116261 | Hệ thống kiểm tra mã khách hàng xem mã khách hàng tương ứng nhập vào có trên website hay không và thông báo | Hệ thống kiểm tra mã khách hàng nhập vào tương ứng có trên website  Hệ thống hiển thị thông báo “Đây là thông tin của khách hàng có mã 21116261” | Pass |  | | 3 | Xem thông tin khách hàng |  | Hệ thống hiển thị toàn bộ thông tin khách hàng (bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, lịch sử mua hàng.) | Hệ thống hiển thị toàn bộ thông tin khách hàng 21116261 (bao gồm thông tin cá nhân, đơn hàng, lịch sử mua hàng.) | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Tìm kiếm mã khách hàng” để người quản trị có thể nhập mã khách hàng mới và để xem thông tin khách hàng mới |

Mã khách hàng không tồn tại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLKH-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Quản lý khách hàng mã khách hàng không tồn tại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem có xem được thông tin khách hàng hay không khi người dùng nhập mã khách hàng không tồn tại |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Quản lý khách hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm mã khách hàng | Giao diện tìm kiếm mã khách hàng được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng nhập mã khách hàng | Mã khách hàng: 21116666 | Hệ thống kiểm tra mã khách hàng xem mã khách hàng tương ứng nhập vào có trên website hay không | Hệ thống kiểm tra mã khách hàng nhập vào không có trên website | Pass |  | | 3 | Thông báo |  | Hệ thống hiển thị thông báo | Thông báo “Mã khách hàng 21116666 không tồn tại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Tìm kiếm mã khách hàng” để người quản trị có thể nhập mã khách hàng mới và để xem thông tin khách hàng mới |

## Thống kê, báo cáo

### Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TKBC-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem có xem được dữ liệu thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thành công hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Thống kê, báo cáo |  | Hệ thống hiển thị giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” | Giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn thống kê theo sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị ô tìm kiếm yêu cầu người dùng nhập mã sản phẩm | Ô tìm kiếm yêu cầu người dùng nhập mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT01 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm xem mã sản phẩm tương ứng nhập vào có trên website hay không | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm AT01 có trên website | Pass |  | | 4 | Xem thống kê sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị các thống kê về sản phẩm như: lượng truy cập, doanh thu, địa chỉ giao hàng phổ biến, các đánh giá của khách hàng về sản phẩm... | Hệ thống hiển thị các thống kê về sản phẩm AT01 như: lượng truy cập, doanh thu, địa chỉ giao hàng phổ biến, các đánh giá của khách hàng về sản phẩm... | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thống kê, báo cáo” để người quản trị có thể tiếp tục xem thống kê |

### Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thất bại do mã sản phẩm không tồn tại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TKBC-02 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thống kê, báo cáo theo mã sản phẩm thất bại do mã sản phẩm không tồn tại |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem có xem được dữ liệu thống kê, báo cáo hay không khi người dùng nhập mã sản phẩm không tồn tại |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Thống kê, báo cáo |  | Hệ thống hiển thị giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” | Giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn thống kê theo sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị ô tìm kiếm yêu cầu người dùng nhập mã sản phẩm | Ô tìm kiếm yêu cầu người dùng nhập mã sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã sản phẩm | Mã sản phẩm: AT02 | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm xem mã sản phẩm tương ứng nhập vào có trên website hay không | Hệ thống kiểm tra mã sản phẩm AT02 không tồn tại trên website | Pass |  | | 4 | Thông báo |  | Hệ thống thông báo thống kê thất bại | Thông báo “Mã sản phẩm AT02 không tồn tại” được hiển thị | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thống kê, báo cáo” để người quản trị có thể tiếp tục xem thống kê |

### Thống kê, báo cáo tất cả sản phẩm theo thời gian

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-TKBC-03 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Trần Lê Phương Trân |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tên test case | Thống kê, báo cáo tất cả sản phẩm theo thời gian |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem có xem được dữ liệu thống kê, báo cáo theo thời gian thành công hay không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào được trang web bằng tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Bước Thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng Thống kê, báo cáo |  | Hệ thống hiển thị giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” | Giao diện “Thống kê theo sản phẩm” và “Thống kê theo thời gian” được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn thống kê theo thời gian |  | Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu người dùng chọn thời gian muốn thống kê | Giao diện yêu cầu người dùng chọn thời gian muốn thống kê được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn thời gian |  | Hệ thống hiển thị các thống kê chung như: lượng truy cập, doanh thu, sản phẩm bán trội, sản phẩm ít lượt bán…ứng với khoảng thời gian người dùng đã chọn | Hệ thống hiển thị các thống kê chung như: lượng truy cập, doanh thu, sản phẩm bán trội, sản phẩm ít lượt bán…ứng với khoảng thời gian người dùng đã chọn | Pass |  | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 11 | Hậu điều kiện | Hệ thống trở về giao diện “Thống kê, báo cáo” để người quản trị có thể tiếp tục xem thống kê |

## Quản lý đơn hàng

### Xem đơn hàng

Xem đơn hàng theo tình trạng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDH-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Xem đơn hàng theo tình trạng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem đơn hàng có được xếp theo tình trạng và có xem được thông tin chi tiết của đơn hàng không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) | Giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn xếp đơn hàng theo tình trạng |  | Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng | Các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng (đã đặt, đã giao cho đơn vị vận chuyển, đã hủy) | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn vào mã đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết của mã đơn hàng đã được người dùng chọn | Các thông tin chi tiết của mã đơn hàng được hiển thị | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể xem các thông tin chi tiết của mã đơn hàng được hiển thị theo tình trạng | | | | | |

Xem đơn hàng theo ngày, tháng, năm (theo khoảng thời gian)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDH-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Xem đơn hàng theo ngày, tháng, năm (theo khoảng thời gian) |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem đơn hàng có được xếp theo ngày, tháng, năm không và có xem được thông tin chi tiết của đơn hàng không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) | Giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn xếp đơn hàng theo ngày, tháng, năm | Chọn thời gian từ ngày 15/4/2023 đến 19/4/2023 | Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng có trong khoảng thời gian được chọn | Các đơn hàng có trong khoảng thời gian từ 15/4/2023 đến 19/4/2023 được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhấn vào mã đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết của mã đơn hàng đã được người dùng chọn | Các thông tin chi tiết của mã đơn hàng được hiển thị | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể xem các thông tin chi tiết của mã đơn hàng được hiển thị theo ngày, tháng, năm | | | | | |

### Cập nhật tình trạng đơn hàng

Cập nhật tình trạng từ “Đã đặt” thành “Đã giao cho đơn vị vận chuyển”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDH-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Cập nhật tình trạng đơn hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem đơn hàng có thể cập nhật tình trạng từ “Đã đặt” thành “Đã giao cho đơn vị vận chuyển” hay không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) | Giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn cập nhật tình trạng đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng | Các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn các mã đơn hàng có tình trạng “đã đặt” và nhấn tiếp tục | Mã đơn hàng: AT01342 có tình trạng (đã đặt) | Hệ thống hiển thị các trạng thái cho người dùng cập nhật (không có trạng thái mã đơn hàng đang có sẵn) | Hệ thống hiển thị các trạng thái cho người dùng chọn là: “Đã giao cho đơn vị vận chuyển” và “Đã hủy” | Pass |  | | 4 | Người dùng cập nhật tình trạng cho đơn hàng | Chọn: “đã giao cho đơn vị vận chuyển” | Hệ thống xác nhận và cập nhật tình trạng của đơn hàng | Đơn hàng được cập nhật tình trạng từ “đã đặt” thành “đã giao cho đơn vị vận chuyển” | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng cập nhật tình trạng cho đơn hàng thành công | | | | | |

Cập nhật tình trạng từ “Đã đặt” thành “Đã hủy”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLDH-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Cập nhật tình trạng cho đơn hàng |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem đơn hàng có thể cập nhật tình trạng từ “Đã đặt” thành “Đã hủy” hay không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) | Giao diện quản lý đơn hàng của website (mã đơn hàng + tình trạng đơn hàng) được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn cập nhật tình trạng đơn hàng |  | Hệ thống hiển thị các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng | Các mã đơn hàng được xếp theo tình trạng | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn các mã đơn hàng có tình trạng “đã đặt” và nhấn tiếp tục | Mã đơn hàng: AT023 có tình trạng (đã đặt) | Hệ thống hiển thị các trạng thái cho người dùng cập nhật (không có trạng thái mã đơn hàng đang có sẵn) | Hệ thống hiển thị trạng thái cho người dùng chọn là: “Đã giao cho đơn vị vận chuyển” và “Đã hủy” | Pass |  | | 4 | Người dùng cập nhật trạng thái “Đã hủy” cho đơn hàng được chọn | Chọn: “đã hủy” | Hệ thống xác nhận và cập nhật tình trạng của đơn hàng | Đơn hàng được cập nhật tình trạng từ “Đã đặt” thành “Đã hủy” | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng cập nhật tình trạng cho đơn hàng thành công | | | | | |

## Quản lý giảm giá khuyến mãi

### Thêm mã giảm giá

Thêm giảm giá cho sản phẩm được chọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTGG-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập các mã giảm giá áp dụng cho các sản phẩm của website | Giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho các sản phẩm của website được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá cho mã sản phẩm | - Mã giảm giá: testGG  - Sản phẩm được giảm giá: Áo thun trắng (AT01)  -Ưu đãi giảm giá: 15% | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận cho người dùng | Bảng xác nhận được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn | Hiển thị sản phẩm Áo thun trắng (AT01) có mã giảm giá là testGG | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng thêm thành công mã giảm giá vào sản phẩm | | | | | |

Thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTGG-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm mã giảm giá + áp dụng cho tất cả sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho tất cả các sản phẩm của website | Giao diện nhập mã giảm giá áp dụng được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá | - Mã giảm giá: testGGAll  -Ưu đãi giảm giá: 10%  -Ngày hết hạn: 21/04/2023 | Hệ thống hiển thị thông tin lại thông tin mã giảm giá và nút xác nhận | Bảng xác nhận và thông tin mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống thêm mã giảm giá cho tất cả sản phẩm | Mã giảm giá testGGAll cho tất cả sản phẩm | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng thêm thành công mã giảm giá cho tất cả sản phẩm | | | | | |

Hủy thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTGG-03 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem khi người dùng nhấn hủy xác nhận thì có trở lại giao diện nhập mã xác nhận không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho người dùng nhập các mã giảm giá áp dụng cho các sản phẩm của website | Giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho các sản phẩm của website được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá cho mã sản phẩm được chọn | - Mã giảm giá: testGG1  - Sản phẩm được giảm giá: Áo thun trắng (AT01)  -Ưu đãi: 10%  -Ngày hết hạn: 21/04/2023 | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận cho người dùng | Bảng xác nhận được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn “hủy” |  | Hệ thống hiển thị lại giao diện cho người dùng nhập thông tin mã giảm giá cho sản phẩm | Giao diện cho người dùng nhập mã giảm giá cho sản phẩm được hiển thị lại | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho sản phẩm được chọn | | | | | |

Hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTGG-04 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm mã giảm giá + áp dụng cho tất cả sản phẩm |  | Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho tất cả các sản phẩm của website | Giao diện nhập mã giảm giá áp dụng được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá | - Mã giảm giá: testGGAll  -Ưu đãi giảm giá: 11% | Hệ thống hiển thị thông tin lại thông tin mã giảm giá và nút xác nhận | Bảng xác nhận và thông tin mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hủy |  | Hệ thống quay lại giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho tất cả các sản phẩm của website | giao diện nhập mã giảm giá áp dụng cho tất cả các sản phẩm của website được hiển thị lại | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận thêm mã giảm giá cho toàn bộ sản phẩm | | | | | |

### Sửa mã giảm giá

Sửa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSGG-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Sửa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể sửa mã giảm giá đã có sẵn không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng sửa mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá có sẵn được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá cần sửa | - Nhập mã giảm giá testGG1 của Áo Thun Trắng (AT01) | Hệ thống hiển thị giao diện sửa mã giảm giá cho người dùng | Giao diện sửa mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng sửa mã giảm giá | - sửa mã testGG1 thành testGG2 | Hệ thống hiện bảng xác nhận sửa cho người dùng | Bảng xác nhận sửa mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng sửa | Mã giảm giá của sản phẩm AT01 sửa thành testGG2 | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng sửa thành công mã giảm giá | | | | | |

Hủy xác nhận sửa mã giảm giá

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSGG-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận sửa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận sửa mã giảm giá không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng sửa mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá có sẵn được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng nhập mã giảm giá cần sửa | - Nhập mã giảm giá testGG2 của Áo Thun Trắng (AT01) | Hệ thống hiển thị giao diện sửa mã giảm giá cho người dùng | Giao diện sửa mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng sửa mã giảm giá | - sửa mã testGG2 thành testGG3 | Hệ thống hiện bảng xác nhận sửa cho người dùng | Bảng xác nhận sửa mã giảm giá được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng chọn “hủy” |  | Hệ thống hiển thị lại các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm được hiển thị | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận sửa mã giảm giá | | | | | |

### Xoá mã giảm giá

Xóa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLXGG-02 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Xóa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể xóa mã giảm giá đã có sẵn không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng xóa mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá có sẵn được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn mã giảm giá cần xóa | - Chọn mã giảm giá testGG2 của Áo Thun Trắng (AT01) | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa mã giảm giá | Bảng xác nhận yêu cầu xóa mã được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng xóa | Mã giảm giá testGG2 của sản phẩm AT01 bị xóa | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Xóa thành công mã giảm giá của sản phẩm | | | | | |

Hủy xác nhận xóa giảm giá

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLXGG-01 |
| 2 | Mức độ | Medium |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận xóa mã giảm giá cho sản phẩm được chọn |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận xóa mã giảm giá đã có sẵn không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Bước thực hiện** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa | Giao diện chức năng quản lý giảm giá khuyến mãi gồm thêm/xóa/sửa được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng xóa mã giảm giá |  | Hệ thống hiển thị các mã giảm giá có sẵn của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá có sẵn được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn mã giảm giá cần xóa | - Chọn mã giảm giá testGG2 của Áo Thun Trắng (AT01) | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa mã giảm giá | Bảng xác nhận yêu cầu xóa mã được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hủy |  | Hệ thống hiển thị lại giao diện các mã giảm giá hiện có của các sản phẩm | Giao diện các mã giảm giá hiện có của các sản phẩm được hiển thị lại | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận xóa mã giảm giá | | | | | |

## Quản lý tin tức, bài viết

### Thêm tin tức, bài viết

Thêm tin tức, bài viết lên trang chủ thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTBV-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Thêm bài viết thành công lên trang chủ |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể thêm bài viết lên trang chủ không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | Giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện đăng bài viết | Giao diện đăng bài viết cho người dùng được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng thêm bài viết và ấn đăng bài | -Tiêu đề: Test  -Nội dung bài viết: Alo test 123 | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận cho người dùng | Bảng xác nhận được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống thêm bài viết lên trang chủ | Trang chủ hiển thị bài viết mới tiêu đề: Test và nội dung: Alo test 123 | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Thêm thành công bài viết lên trang chủ | | | | | |

Thêm tin tức, bài viết thất bại (do người dùng huỷ xác nhận thêm bài viết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLTBV-02 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận thêm bài viết |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận thêm bài viết lên trang chủ không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | Giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng thêm bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện đăng bài viết | Giao diện đăng bài viết cho người dùng được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng thêm bài viết và ấn đăng bài | -Tiêu đề: Test2  -Nội dung bài viết: Alo test 12345 | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận cho người dùng | Bảng xác nhận được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hủy |  | Hệ thống hiển thị lại giao diện đăng bài viết | Giao diện đăng bài viết được hiển thị lại | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận thêm bài viết lên trang chủ | | | | | |

### Sửa tin tức, bài viết

Sửa tin tức, bài viết thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSBV-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Sửa bài viết có sẵn trên trang chủ thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể sửa nội dung bài viết đã có sẵn không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | Giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn sửa bài viết |  | Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức | Giao diện các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn bài viết cần sửa | - Chọn bài viết có tiêu đề: Test | hệ thống hiển thị thông tin, nội dung của bài viết | Bài viết được chọn hiển thị đầy đủ thông tin và nội dung | Pass |  | | 4 | Người dùng sửa nội dụng bài viết | - sửa nội dung thành: test sửa nội dung | Hệ thống hiện bảng xác nhận sửa bài viết cho người dùng | Bảng xác nhận sửa bài viết được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống xác nhận và thực hiện chức năng sửa | Nội dung bài viết có tiêu đề “Test” được sửa thành: test sửa nội dung | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng sửa thành công bài viết trên trang chủ | | | | | |

Sửa tin tức, bài viết thất bại (do người dùng huỷ xác nhận sửa tin tức, bài viết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLSBV-02 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận sửa bài viết có sẵn trên trang chủ |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận sửa nội dung bài viết đã có sẵn không. |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | Giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn sửa bài viết |  | Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức | Giao diện các bài viết có sẵn trên trang chủ tin tức | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn bài viết cần sửa | Chọn bài viết có tiêu đề: Test | hệ thống hiển thị thông tin, nội dung của bài viết | Bài viết được chọn hiển thị đầy đủ thông tin và nội dung | Pass |  | | 4 | Người dùng sửa nội dụng bài viết | Sửa nội dung thành: test sửa nội dung 123 | Hệ thống hiện bảng xác nhận sửa bài viết cho người dùng | Bảng xác nhận sửa bài viết được hiển thị | Pass |  | | 5 | Người dùng chọn hủy |  | Hệ thống hiển thị lại các bài viết có sẵn trên trang chủ | Các bài viết có sẵn trên trang chủ được hiển thị | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận sửa bài viết trên trang chủ | | | | | |

### Xoá tin tức, bài viết

Xoá tin tức, bài viết thành công

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLXBV-02 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Xóa bài viết thành công |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể xóa bài viết đã có sẵn không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | Giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng xóa bài viết |  | Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ | Các bài viết có sẵn trên trang chủ được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn bài viết cần xóa | Chọn bài viết có tiêu đề: Test | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa bài viết | Bảng xác nhận yêu cầu xóa bài viết được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn xác nhận |  | Hệ thống xóa bài viết khỏi trang chủ | Bài viết có tiêu đề: “Test” bị xóa khỏi trang chủ | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng xóa bài viết khỏi trang chủ thành công | | | | | |

Xoá tin tức, bài viết thất bại (do người dùng huỷ xác nhận xoá tin tức, bài viết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Test case ID | TC-QLXBV-01 |
| 2 | Mức độ | Low |
| 3 | Người thiết kế test case | Nhóm 6 |
| 4 | Ngày thiết kế test case | 19 Apr 2023 |
| 5 | Người thực hiện test case | Huỳnh Hồ Hoài Nam |
| 6 | Ngày thực hiện test case | 20 Apr 2023 |
| 7 | Tiêu đề test case | Hủy xác nhận xóa bài viết |
| 8 | Mô tả chi tiết | Kiểm tra xem người dùng có thể hủy xác nhận xóa bài viết đã có sẵn không |
| 9 | Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào tài khoản quản trị |
| 10 | Các bước thực hiện kiểm thử | (Xem bảng bên dưới) |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số thứ tự** | **Các bước thực hiện kiểm thử** | **Dữ liệu kiểm thử** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả thực tế** | **Status (Pass/Fail)** | **Notes** | | 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý tin tức bài viết |  | Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết | giao diện chức năng quản lý tin tức bài viết được hiển thị | Pass |  | | 2 | Người dùng chọn chức năng xóa bài viết |  | Hệ thống hiển thị các bài viết có sẵn trên trang chủ | Các bài viết có sẵn trên trang chủ được hiển thị | Pass |  | | 3 | Người dùng chọn bài viết cần xóa | - Chọn bài viết có tiêu đề: Test | Hệ thống hiển thị bảng xác nhận xóa bài viết | Bảng xác nhận yêu cầu xóa bài viết được hiển thị | Pass |  | | 4 | Người dùng chọn hủy |  | Hệ thống hiển thị lại các bài viết có sẵn trên trang chủ | các bài viết có sẵn trên trang chủ được hiển thị | Pass |  | | 11 | Hậu điều kiện | | | Người dùng có thể hủy xác nhận xóa bài viết trên trang chủ | | | | | |

Type: Section

# Thông tin hỗ trợ (Supporting information)

[SRS-26]

Type: Section

# Tài liệu tham khảo (References)

[SRS-27]

Type: Section